



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

☎ (+84)75 3826 358

📍 Số 26, Nguyễn Trung Trực, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

🌐 <http://congtrinhdothibentre.vn/>



# MỤC LỤC

<b>Chương 01</b>	<b>Thông tin chung</b>	06
	Thông tin khái quát	
	Quá trình hình thành và phát triển	
	Các thành tích tiêu biểu	
	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	
	Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	
	Định hướng phát triển	
	Các rủi ro trong quá trình hoạt động	
<b>Chương 02</b>	<b>Tình hình hoạt động kinh doanh</b>	24
	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	
	Tổ chức và Nhân sự	
	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	
	Tình hình tài chính	
	Cơ cấu cổ đông, tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	
	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	
<b>Chương 03</b>	<b>Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc</b>	50
	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	
	Tình hình tài chính	
	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	
	Kế hoạch phát triển trong tương lai của doanh nghiệp	
	Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	
	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội	
<b>Chương 04</b>	<b>Báo cáo của Hội đồng quản trị</b>	58
	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	
	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	
	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	
<b>Chương 05</b>	<b>Quản trị công ty</b>	64
	Hội đồng quản trị	
	Ban Kiểm soát	
	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ủy ban kiểm toán	
<b>Chương 06</b>	<b>Báo cáo tài chính</b>	74
	Ý kiến kiểm toán	
	Báo cáo tài chính được kiểm toán	



# 01

## THÔNG TIN CHUNG

- ▶ Thông tin khái quát
- ▶ Quá trình hình thành và phát triển
- ▶ Các thành tích tiêu biểu
- ▶ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- ▶ Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.
- ▶ Định hướng phát triển
- ▶ Các rủi ro trong quá trình hoạt động

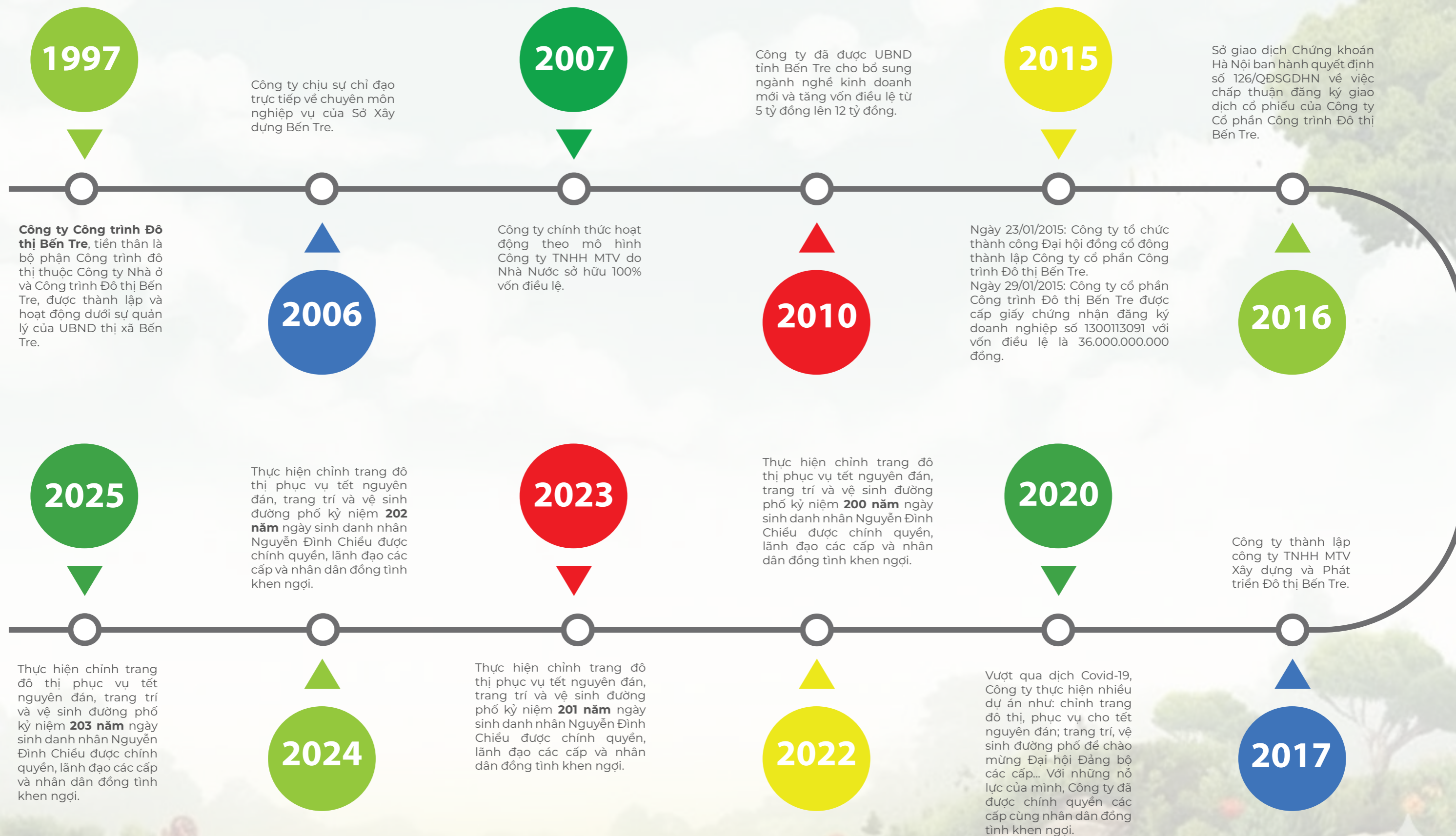


## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- » **Tên giao dịch:** Công ty Cổ Phần Công trình Đô thị Bến Tre.
- » **Tên tiếng Anh:** Ben Tre Urban Project Joint Stock Company
- » **Tên viết tắt:** BENTREPCO
- » **Giấy CNĐKKD số:** 1300113091 (số cũ: 5504000011) do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 18 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 18 tháng 09 năm 2025.
- » **Vốn điều lệ:** 36.000.000.000 đồng
- » **Địa chỉ:** Số 26, Nguyễn Trung Trực, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
- » **Số điện thoại:** (027) 5382 6358
- » **Email:** ctdt\_bt@yahoo.com
- » **Website:** www.congtrinhdothibentre.vn
- » **Mã cổ phiếu:** BTU



## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



## CÁC THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU

### DANH HIỆU THI ĐUA

STT	Số Quyết định, ngày, tháng	Cơ quan ban hành	Thành tích
1	Quyết định số 38/QĐ-LĐLĐ ngày 13/11/2023	Liên đoàn lao động thành phố Bến Tre	Xếp loại CĐCS Công ty cổ phần Công trình đô thị Bến Tre hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2023
2	Quyết định số 2874/QĐ-UBND ngày 11/12/2023	Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	Công nhận cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục cấp tỉnh đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh, trật tự" năm 2023.
3	Quyết định số 627/QĐ- CTBTR ngày 15/5/2024	Cục thuế tỉnh Bến Tre	Giấy khen của Cục Thuế tỉnh về việc hoàn thành tốt nghĩa vụ thuế
4	Quyết định số 123/QĐ-LĐLĐ ngày 07/11/2024	Liên đoàn lao động thành phố Bến Tre	Xếp loại CĐCS Công ty cổ phần Công trình đô thị Bến Tre hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2024
5	Quyết định số 3494/QĐ- CT ngày 12/11/2025	Cục thuế	Giấy khen của Cục Thuế về việc tuân thủ chính sách, pháp luật thuế năm 2024
6	Quyết định số 15/QĐ- LĐLĐ ngày 05/01/2026	LĐLĐ tỉnh Vĩnh Long	Xếp loại CĐCS Công ty cổ phần Công trình đô thị Bến Tre hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2025

### KHEN THƯỞNG NĂM 2025

Năm 2025, CĐCS Công ty Đề nghị Liên đoàn Lao động tỉnh tặng Bằng khen chuyên đề "Xanh - Sạch - Đẹp, bảo đảm an toàn vệ sinh lao động".



### HÌNH THỨC KHEN THƯỞNG

STT	Số Quyết định, ngày, tháng	Cơ quan ban hành	Thành tích
1	Quyết định số 1126/QĐ-LĐLĐ ngày 04/01/2023	Liên đoàn lao động tỉnh	Cờ đạt thành tích đơn vị xuất sắc trong phong trào CNVCLĐ và hoạt động Công đoàn khối Doanh nghiệp năm 2022.
2	Quyết định số 694/QĐ-UBND ngày 04/4/2023	UBND tỉnh Bến Tre	Bằng khen đạt thành tích tổng kết năm 2022
3	Quyết định số 627/QĐ- CTBTR ngày 15/5/2024	Cục thuế tỉnh Bến Tre	Giấy khen của Cục Thuế tỉnh về việc hoàn thành tốt nghĩa vụ thuế
4	Quyết định số 7143/QĐ-TLĐ ngày 28/4/2023	Tổng Liên đoàn Việt Nam	Bằng khen đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua "Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm An toàn vệ sinh lao động" năm 2022.
5	Quyết định số 1828/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre	Giấy khen đạt thành tích tốt trong phong trào CNVCLĐ và hoạt động Công đoàn thành phố Bến Tre nhiệm kỳ 2017-2023.
6	Quyết định số 634/QĐ-TLĐ ngày 26/3/2024	Tổng Liên đoàn Việt Nam	Cờ thi đua đạt thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua "Xanh - Sạch - Đẹp, Bảo đảm An toàn vệ sinh lao động" năm 2023.
7	Quyết định số 1365/QĐ-UBND ngày 18/06/2024	UBND tỉnh Bến Tre	Bằng khen đạt thành tích tổng kết năm 2023
8	Quyết định số 2426/QĐ UBND ngày 11/10/2024	Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	Bằng khen đạt danh hiệu "Doanh nghiệp tiêu biểu" tỉnh Bến Tre năm 2024
9	Quyết định số 2113/QĐ-UBND ngày 19/06/2025	Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	Bằng khen đạt thành tích xuất sắc trong Phong trào thi đua Cụm, Khối của tỉnh Bến Tre năm 2024
10	Quyết định số 3175/QĐ-TLĐ ngày 11/4/2025	Tổng Liên đoàn Việt Nam	Bằng khen có thành tích xuất sắc trong Phong trào lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh năm 2024

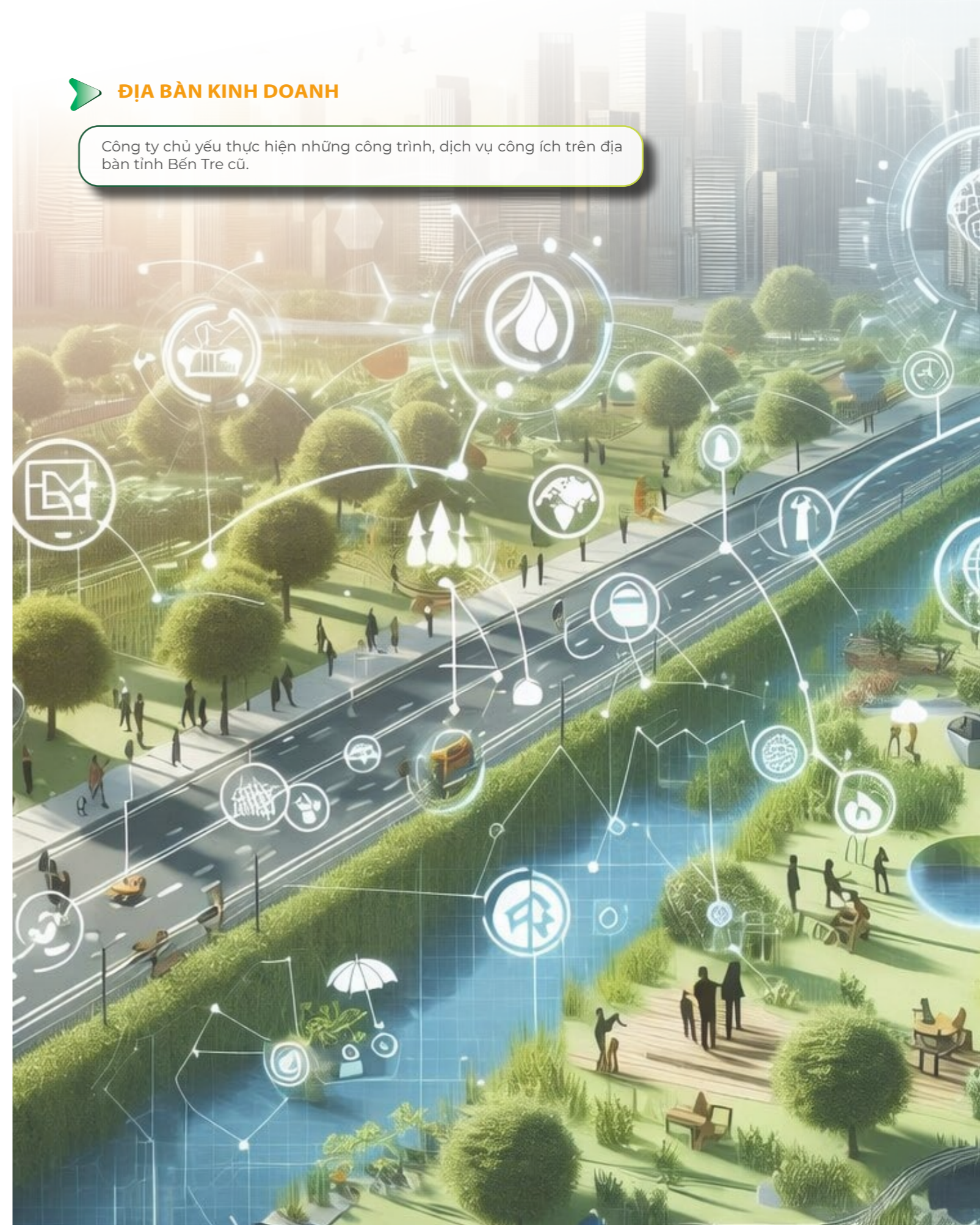
# NGÀNH NGHỀ KINH DOANH & ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

## ▶ **NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

Mã ngành nghề kinh doanh	Tên ngành nghề kinh doanh
7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Tư vấn giám sát công tác thi công xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật.
0118	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh Chi tiết: Trồng hoa, cây cảnh.
0130	Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp
0161	Hoạt động dịch vụ trồng trọt
2012	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ
3811	Thu gom rác thải không độc hại
2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
3821	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại
3830	Tái chế phế liệu Chi tiết: Xử lý (làm sạch, nóng chảy, nghiền) rác thải bằng nhựa hoặc cao su để nghiền thành hạt nhỏ
3900	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác
4100	Xây dựng nhà các loại
4210	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
4220	Xây dựng công trình công ích
4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
4321	Lắp đặt hệ thống điện
4329	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
4330	Hoàn thiện công trình xây dựng
4390	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
4520	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Bán buôn hoa và cây
4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện.
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện).
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.
8130	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan
9321	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề

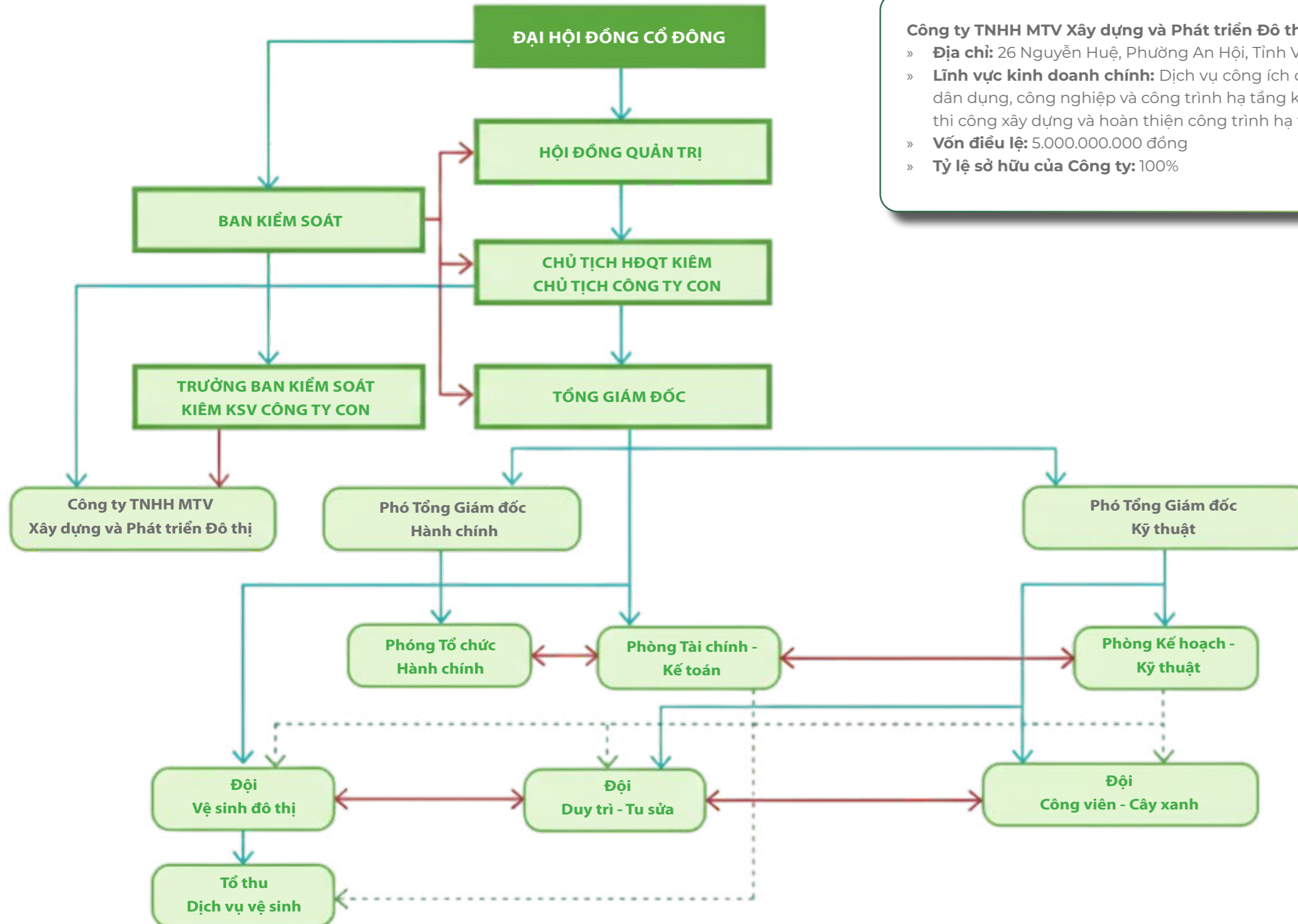
## ▶ **ĐỊA BÀN KINH DOANH**

Công ty chủ yếu thực hiện những công trình, dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Bến Tre cũ.



# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

## CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



## CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

### Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Bến Tre

- » **Địa chỉ:** 26 Nguyễn Huệ, Phường An Hội, Tỉnh Vĩnh Long.
- » **Lĩnh vực kinh doanh chính:** Dịch vụ công ích đô thị; thi công xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; Tư vấn giám sát công tác thi công xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật.
- » **Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 đồng
- » **Tỷ lệ sở hữu của Công ty:** 100%

## Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- » Hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- » Ổn định sản xuất kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ, xây dựng chiến lược phát triển công ty, bảo toàn và phát triển vốn.
- » Khai thác và sử dụng hiệu quả các phương tiện, trang thiết bị hiện có, trang bị thêm cơ sở vật chất phục vụ sản xuất kinh doanh, đảm bảo đủ năng lực cạnh tranh.
- » Trở thành doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực môi trường đô thị tại Vĩnh Long và Đồng bằng Sông Cửu Long.

## Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- » Nâng cao chất lượng dịch vụ, duy trì và giữ vững thương hiệu của Công ty, đảm bảo môi trường sống văn minh, xanh – sạch – đẹp.
- » Xây dựng các chương trình đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý.
- » Hướng tới mục tiêu đô thị văn minh, công ty khuyến khích các hoạt động thiện nguyện, giúp đỡ những người có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn, nâng cao dân trí xã hội, tiến tới mục tiêu xây dựng đô thị giàu đẹp, văn minh, trọng nghĩa tình.

## Các mục tiêu đối với cộng đồng, xã hội và môi trường:

- » Ổn định và mở rộng ngành nghề kinh doanh, phát huy thế mạnh của công ty.
- » Đổi mới mô hình quản trị, củng cố nhân sự Ban Điều hành và các cấp quản lý khác trong Công ty nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới;
- » Hoàn thiện Quy chế quản trị và các Quy định khác về quản lý nội bộ đảm bảo công bằng hợp lý và hiệu quả;
- » Tập trung đầu tư đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật, tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí quản lý chung, giảm giá thành sản xuất, nâng cao chất lượng dịch vụ và khả năng cạnh tranh;
- » Tích cực liên hệ tìm kiếm thị trường, mở rộng địa bàn hoạt động, trong đó trọng tâm là cung ứng dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh Bến Tre cũ, đảm bảo cho sự ổn định và phát triển Công ty;
- » Bảo đảm tốt lợi ích Nhà nước, lợi ích cổ đông và đảm bảo việc làm, thu nhập, thực hiện tốt các chế độ chính sách cho người lao động.

## RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG

### RỦI RO KINH TẾ

Năm 2025, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều yếu tố bất định từ xung đột địa chính trị và xu hướng bảo hộ thương mại, khiến tăng trưởng toàn cầu duy trì ở mức thận trọng khoảng 3,2% theo dự báo của IMF. Trong khi đó, kinh tế Việt Nam vẫn ghi nhận mức tăng trưởng tích cực với GDP cả năm tăng 8,02% – mức cao nhất giai đoạn 2011–2025 (chỉ sau năm 2022), thể hiện nền tảng kinh tế ổn định và khả năng thích ứng tốt, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đầu tư công, phát triển hạ tầng và đô thị.

Đối với Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre, lĩnh vực dịch vụ công ích đô thị mang tính thiết yếu cao nên ít chịu tác động trực tiếp từ biến động kinh tế vĩ mô. Tuy nhiên, sự thay đổi tốc độ tăng trưởng kinh tế địa phương, đặc biệt trong quá trình điều chỉnh quy hoạch, phát triển khu công nghiệp và hạ tầng đô thị sau sắp xếp đơn vị hành chính, có thể ảnh hưởng gián tiếp đến tiến độ triển khai dự án và nhu cầu dịch vụ.

Đồng thời, đây cũng là cơ hội để Công ty mở rộng phạm vi hoạt động, tham gia sâu hơn vào các chương trình chỉnh trang và phát triển đô thị.

Để thích ứng với bối cảnh trên, Công ty chủ động theo dõi tình hình kinh tế và định hướng phát triển đô thị tại địa phương, từ đó điều chỉnh kế hoạch hoạt động phù hợp, đảm bảo duy trì hiệu quả và ổn định trong quá trình vận hành.



### RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích, Công ty chịu sự điều tiết của Nhà nước thông qua hệ thống pháp luật, chiến lược và quy hoạch phát triển ngành. Theo đó, các điều chỉnh liên quan đến cơ chế giá dịch vụ, tiêu chuẩn kỹ thuật hoặc quy trình đấu thầu có thể ảnh hưởng đến doanh thu, chi phí và hiệu quả hoạt động của Công ty.

Bên cạnh đó, giá dịch vụ công ích do Nhà nước và chính quyền địa phương quản lý, làm giảm tính linh hoạt trong việc điều chỉnh biên lợi nhuận, đặc biệt trong bối cảnh chi phí đầu vào và điều kiện kinh tế vĩ mô có nhiều biến động. Các khoản chi phí nguyên vật liệu và nhân công chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu chi phí, đòi hỏi Công ty phải tăng cường công tác kiểm soát và sử dụng hiệu quả nguồn lực.

Trước những đặc thù nêu trên, Ban lãnh đạo Công ty chủ động triển khai các biện pháp quản trị phù hợp như theo dõi sát diễn biến chính sách, tối ưu hóa quy trình vận hành, từng bước ứng dụng công nghệ số nhằm nâng cao hiệu quả chi phí, xây dựng các phương án dự phòng và đa dạng hóa nguồn cung đầu vào. Các giải pháp này góp phần hạn chế tác động của biến động bên ngoài, bảo đảm thực hiện các mục tiêu tăng trưởng và phát triển bền vững đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trong niên khóa.



### RỦI RO CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT

Hoạt động của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre trong năm 2025 được triển khai trong khuôn khổ pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán và lĩnh vực dịch vụ công ích đô thị. Với mô hình công ty cổ phần và thực hiện giao dịch trên sàn UPCOM, Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan. Việc hệ thống pháp luật tiếp tục được hoàn thiện đã góp phần tạo nền tảng pháp lý rõ ràng, đồng thời hỗ trợ Công ty chuẩn hóa công tác quản trị, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả hoạt động.

Bên cạnh đó, các quy định về đặt hàng, đấu thầu và thực hiện dịch vụ công ích được điều chỉnh theo hướng tăng cường cạnh tranh và sử dụng hiệu quả nguồn lực công. Trước bối cảnh này, Công ty đã chủ động rà soát phương thức tổ chức sản xuất kinh doanh, điều chỉnh linh hoạt kế hoạch tham gia đấu thầu và triển khai dự án phù hợp với quy định hiện hành. Đồng thời, Công ty chú trọng tuân thủ các quy định của pháp luật về tài nguyên và bảo vệ môi trường, bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với yêu cầu phát triển bền vững.

### RỦI RO CẠNH TRANH

Sau sáp nhập các gói thầu dịch vụ công ích đô thị được thực hiện trong phạm vi xã, phường giảm quy mô so với trước đây đã mở ra nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp dịch vụ công ích, đồng thời cũng làm gia tăng mức độ cạnh tranh trong việc tham gia và thực hiện các dự án trên địa bàn.

Bên cạnh đó, chủ trương của Nhà nước về thúc đẩy kinh tế tư nhân, từng bước giảm độc quyền và mở rộng hình thức đấu thầu cạnh tranh trong lĩnh vực dịch vụ công ích dẫn đến sự tham gia ngày càng nhiều của các doanh nghiệp trong và ngoài địa phương. Điều này đòi hỏi Công ty phải không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh để duy trì thị phần và hiệu quả hoạt động.



Thông qua việc tăng cường công tác pháp chế, chuẩn hóa hợp đồng và quy trình nội bộ, tổ chức đào tạo về tuân thủ pháp luật, cùng với việc xây dựng các phương án điều hành linh hoạt và tối ưu hóa quản lý chi phí, Công ty đã bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra liên tục, an toàn và hiệu quả, qua đó góp phần thực hiện các mục tiêu tăng trưởng bền vững đã được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt.



Trước bối cảnh đó, Ban lãnh đạo Công ty chủ động triển khai các giải pháp nhằm củng cố vị thế cạnh tranh, bao gồm đầu tư đổi mới công nghệ, máy móc thiết bị, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; tăng cường phối hợp với chính quyền địa phương và các đối tác liên quan; đồng thời chú trọng xây dựng và phát huy uy tín thương hiệu thông qua chất lượng dịch vụ và hiệu quả thực hiện các dự án. Các giải pháp này góp phần giúp Công ty duy trì lợi thế cạnh tranh và thực hiện các mục tiêu phát triển đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.





## RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

### ➤ RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Với vị trí địa lý đặc thù tại hạ lưu sông Mekong, giáp biển Đông và mạng lưới sông ngòi phức tạp, địa bàn hoạt động chủ yếu của Công ty phải đối mặt với thách thức lớn từ tình trạng xâm nhập mặn, đặc biệt nghiêm trọng vào mùa khô. Đối với một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích như chúng ta, việc đảm bảo nguồn nước sạch là yếu tố sống còn. Nguồn nước không chỉ phục vụ cho các hoạt động tưới tiêu, duy trì cảnh quan đô thị mà còn đáp ứng nhu cầu vệ sinh và sinh hoạt của nhân viên. Sự gia tăng xâm nhập mặn đe dọa trực tiếp đến chất lượng nguồn nước từ các đơn vị cung cấp địa phương, tạo ra rủi ro gián đoạn hoạt động và tăng chi phí xử lý nước.

Tình trạng xâm nhập mặn là một rủi ro đặc thù có tác động không nhỏ đến hoạt động của Công ty. Việc thiếu hụt nguồn nước sạch hoặc chất lượng nước giảm sút

không chỉ ảnh hưởng đến hiệu quả công việc mà còn tiềm ẩn những hệ lụy về chi phí và uy tín. Nhận thức được đây là yếu tố bên ngoài khó kiểm soát hoàn toàn, Công ty chủ trương xây dựng các biện pháp ứng phó linh hoạt và hiệu quả. Để đối phó với thách thức này, nhiều giải pháp đồng bộ đang được triển khai, bao gồm việc tăng cường ý thức tiết kiệm nước trong toàn thể nhân viên, chủ động hợp tác với chính quyền địa phương để nắm bắt thông tin và xây dựng kế hoạch dự trữ nước ngọt, nghiên cứu và đầu tư vào các công nghệ xử lý nước tiên tiến, xem xét đa dạng hóa nguồn cung nước (nếu khả thi), và chuẩn bị sẵn sàng các kịch bản ứng phó khẩn cấp. Việc chủ động ứng phó với rủi ro xâm nhập mặn không chỉ giúp Công ty đảm bảo hoạt động liên tục mà còn thể hiện trách nhiệm với cộng đồng và đóng góp vào sự phát triển bền vững của địa phương.

### ➤ RỦI RO AN TOÀN LAO ĐỘNG

Do đặc thù công việc, phần lớn công nhân của Công ty phải làm việc trực tiếp ngoài trời, thường xuyên chịu tác động của thời tiết và đối mặt với nhiều rủi ro tiềm ẩn. Việc tiếp xúc với các phương tiện giao thông, rác thải độc hại và nguy cơ tai nạn lao động cao không chỉ gây ra những ảnh hưởng tiêu cực về tinh thần và vật chất cho người lao động mà còn có thể làm suy giảm uy tín của Công ty trên thị trường.

Nhận thức rõ tầm quan trọng của vấn đề này, Công ty đã ưu tiên hàng đầu chính sách vệ sinh và an toàn lao động. Mọi công nhân đều được trang bị đầy đủ trang phục bảo hộ chuyên dụng, đảm bảo chất lượng và tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn. Bên cạnh đó, việc lựa chọn và kiểm định kỹ lưỡng các thiết bị, máy móc, đặc biệt là các thiết bị sử dụng khi làm việc trên cao, được thực hiện nghiêm ngặt để hạn chế tối đa nguy cơ tai nạn lao động.

### ➤ RỦI RO KHÁC

Bên cạnh các rủi ro đã được nhận diện, Công ty có thể chịu tác động từ một số yếu tố khách quan như thiên tai, hỏa hoạn, sự cố kỹ thuật, dịch bệnh và tai nạn lao động. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu với những diễn biến thời tiết ngày càng phức tạp tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, Công ty chủ động theo dõi, đánh giá và tăng cường công tác quản lý nhằm bảo đảm hoạt động sản xuất, an toàn người lao động, tài sản và hệ thống cấp nước được duy trì ổn định.

Nhằm nâng cao khả năng ứng phó, Công ty thực hiện nghiêm các quy định về an toàn, vệ sinh lao động và phòng cháy chữa cháy; tổ chức kiểm tra, bảo trì định kỳ hệ thống thiết bị, công trình, đặc biệt tại các nhà máy nước, trạm bơm và kho hóa chất. Đồng thời, Công ty duy trì các hợp đồng bảo hiểm phù hợp để tăng cường bảo vệ tài sản và người lao động, góp phần bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, liên tục và bền vững.



# 02

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- ▶ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ▶ Tổ chức và Nhân sự
- ▶ Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- ▶ Tình hình tài chính
- ▶ Cơ cấu cổ đông, tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- ▶ Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	2024	2025	%Thay đổi
Doanh thu thuần	106.753.894.280	124.115.256.567	116,26%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	13.946.282.445	17.351.354.941	124,41%
Lợi nhuận khác	520.314.998	700.872.886	134,69%
Lợi nhuận trước thuế	14.466.597.443	18.052.227.827	124,77%
Lợi nhuận sau thuế	12.356.381.388	14.149.537.754	114,53%

Năm 2025, kết quả kinh doanh của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre tiếp tục ghi nhận xu hướng tăng trưởng tích cực. Doanh thu thuần đạt 124,12 tỷ đồng, tăng 16,26% so với năm 2024, phản ánh sự mở rộng hoạt động và cải thiện hiệu quả kinh doanh. Đồng thời, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế đều tăng trưởng khả quan, lần lượt đạt mức tăng 24,41%, 24,47% và 14,53%, cho thấy Công ty đã nâng cao hiệu quả vận hành và kiểm soát chi phí tốt hơn. Những kết quả này góp phần củng cố nền tảng tài chính và tạo động lực cho sự phát triển ổn định trong các giai đoạn tiếp theo.



## CƠ CẤU DOANH THU THUẦN

Đơn vị: Đồng

Doanh thu thuần	2024	2025	%Thay đổi
<b>Doanh thu thi công công trình</b>	<b>25.547.943.835</b>	<b>33.670.307.523</b>	<b>131,79%</b>
Công trình chiếu sáng	9.132.106.219	10.257.995.110	112,33%
Công trình cây xanh	8.882.356.590	10.729.480.570	120,80%
Công trình xây dựng cơ bản	2.396.257.391	11.159.041.611	465,69%
Công trình vệ sinh đô thị	312.003.001	342.918.518	109,91%
Công trình Duy tu cầu đường	4.421.886.455	946.374.758	21,40%
Công trình khác	403.334.179	234.496.956	58,14%
<b>Doanh thu dịch vụ công ích</b>	<b>81.025.248.827</b>	<b>90.360.275.915</b>	<b>111,52%</b>
Chiếu sáng công cộng	64.443.242.048	63.809.448.622	99,02%
Công viên cây xanh	7.330.083.548	15.645.480.229	213,44%
Duy tu cầu đường	4.614.788.362	4.458.686.818	96,62%
Vệ sinh đô thị	4.637.134.869	6.446.660.246	139,02%
<b>Doanh thu khác</b>	<b>180.701.618</b>	<b>84.673.129</b>	<b>46,86%</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>106.753.894.280</b>	<b>124.115.256.567</b>	<b>116,26%</b>

Năm 2025, doanh thu của Công ty đạt 124,12 tỷ đồng, tăng 16,26% so với năm 2024. Kết quả này cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục duy trì xu hướng tăng trưởng tốt. Cơ cấu doanh thu trong năm cũng có sự thay đổi theo hướng tích cực, phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

Trong đó, hoạt động thi công công trình đạt 33,67 tỷ đồng, tăng 31,79% so với năm trước và nâng tỷ trọng lên 27,13% tổng doanh thu. Một số lĩnh vực như xây dựng cơ bản và cây xanh có mức tăng trưởng khá, góp phần cải thiện quy mô doanh thu của mảng này.

Đối với hoạt động dịch vụ công ích, doanh thu đạt 90,36 tỷ đồng, tăng 11,52% và tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu (72,80%). Mảng công viên cây xanh và chiếu sáng công cộng ghi nhận mức tăng trưởng tốt; trong khi đó, một số lĩnh vực như duy tu cầu đường và doanh thu khác giảm so với năm trước.

Nhìn chung, doanh thu năm 2025 tăng trưởng ổn định, cơ cấu doanh thu có sự chuyển dịch phù hợp, đảm bảo duy trì các lĩnh vực truyền thống đồng thời mở rộng các mảng có tiềm năng, tạo cơ sở cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong các năm tiếp theo.

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



## DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu Đại diện		Số lượng cổ phiếu cá nhân	
			Số lượng	Tỷ lệ/VĐL	Số lượng	Tỷ lệ/VĐL
1	Ông Nguyễn Tấn Vũ	Chủ tịch	1.800.000	50,00%	50.000	1,39%
2	Ông Lê Văn Vũ	Thành viên	360.000	10,00%	51.400	1,428%
3	Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên (*)	-	-	180.000	5,00%
4	Ông Đào Mạnh Hùng	Thành viên (*)	529.700	14,71%	-	-
5	Bà Huỳnh Thanh Hải	Thành viên	-	-	12.400	0,344%

(\*) Thành viên HĐQT không điều hành  
Năm 2025, Hội đồng Quản trị không thay đổi.

## LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1. ÔNG NGUYỄN TẤN VŨ

#### Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Phó Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 09/02/1978

Nơi sinh: Bến Tre

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 1.850.000 cổ phiếu, chiếm 51,39% vốn điều lệ.

» Đại diện: 1.800.000 cổ phần, chiếm 50,00% vốn điều lệ (đại diện UBND tỉnh Bến Tre).

» Cá nhân: 50.000 cổ phiếu, chiếm 1,39% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

### 2. ÔNG LÊ VĂN VŨ

#### Thành viên Hội đồng Quản trị - Tổng Giám đốc

Ngày sinh: 19/09/1977

Nơi sinh: Bến Tre

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng, Cử nhân Quản trị kinh doanh

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 411.400 cổ phiếu, chiếm 11,428% vốn điều lệ.

» Đại diện: 360.000 cổ phần, chiếm 10% vốn điều lệ (đại diện UBND tỉnh Bến Tre)

» Cá nhân: 51.400 cổ phần, chiếm 1,428% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

» Lê Minh Phong — Mối quan hệ: Anh ruột; nắm giữ: 2.600 CP, chiếm 0,072% vốn điều lệ

» Lê Thị Hồng Vân — Mối quan hệ: Chị ruột; nắm giữ: 2.700 CP, chiếm 0,075% vốn điều lệ

### 3. ÔNG NGUYỄN THANH PHONG

#### Thành viên Hội đồng Quản trị

Ngày sinh: 09/03/1966

Nơi sinh: Bến Tre

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Giám đốc công ty TNHH MTV Phúc Thịnh

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 180.000 cổ phiếu, chiếm 5,00% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)



### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

#### 4. ÔNG ĐÀO MẠNH HÙNG

##### Thành viên Hội đồng Quản trị

Ngày sinh: 10/11/1955

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Giám đốc Công ty TNHH Ô tô chuyên dùng Hiệp Hoà; chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn ô Tô Hiệp Hòa.

Số cổ phần nắm tại thời điểm hiện nay: 529.700 cổ phiếu, chiếm 14,71% vốn điều lệ (đại diện Công ty cổ phần Tập đoàn ô Tô Hiệp Hòa).

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

» Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: » Công ty cổ phần Tập đoàn ô Tô Hiệp Hòa — Mối quan hệ: Tổ chức có liên quan; nắm giữ: 529.700 cổ phiếu, chiếm 14,71% vốn điều lệ.

#### 5. BÀ HUỲNH THANH HẢI

##### Thành viên Hội đồng Quản trị

Ngày sinh: 15/04/1981

Nơi sinh: Bến Tre

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 12.400 cổ phiếu, chiếm 0,3444% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại ngày 13/04/2026 của những người có liên quan:

» Huỳnh Văn Lực - Mối quan hệ: Cha ruột; nắm giữ: 22.900 CP, chiếm 0,0636% vốn điều lệ.





**DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT**

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu Đại diện		Số lượng cổ phiếu cá nhân	
			Số lượng	Tỷ lệ/VĐL	Số lượng	Tỷ lệ/VĐL
1	Ông Trịnh Văn Đấu	Trưởng Ban kiểm soát	-	-	23.100	0,64%
2	Ông Võ Minh Hùng	Thành viên Ban kiểm soát	-	-	-	-
3	Ông Phạm An Huy	Thành viên Ban kiểm soát	-	-	3.500	0,0972%

**THAY ĐỔI TRONG BAN KIỂM SOÁT**

STT	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên Ban kiểm soát	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Nguyễn Hữu Thuận	Thành viên Ban Kiểm soát	-	26/06/2025
2	Ông Phạm An Huy	Thành viên Ban Kiểm soát	26/06/2025	-

**1. ÔNG TRỊNH VĂN ĐẤU**

**Trưởng Ban Kiểm soát**

Ngày sinh: 10/11/1969

Nơi sinh: Bến Tre

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân tại ngày 13/04/2026: 23.100 cổ phiếu, chiếm 0,64% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

**2. ÔNG VÕ MINH HÙNG**

**Thành viên Ban Kiểm soát**

Ngày sinh: 29/11/1979

Nơi sinh: Bến Tre

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

**3. ÔNG PHẠM AN HUY**

**Thành viên Ban Kiểm soát**

Ngày sinh: 26/11/1976

Nơi sinh: Bến Tre

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng cầu đường

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 3.500 cổ phiếu, chiếm 0,0972% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



**DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH**

STT	Thành viên Ban Điều hành	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu Đại diện		Số lượng cổ phiếu cá nhân	
			Số lượng	Tỷ lệ/VĐL	Số lượng	Tỷ lệ/VĐL
1	Ông Lê Văn Vũ	Tổng giám đốc	360.000	10,00%	51.400	1,428%
2	Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng giám đốc	-	-	500	0,01388%
3	Bà Huỳnh Thanh Hải	Phó Tổng giám đốc	-	-	12.400	0,344%
4	Bà Trần Thị Vân Nghi	Kế toán trưởng	-	-	3.800	0,11%

Năm 2025, Hội đồng Quản trị không thay đổi.



**LÝ LỊCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

**1. ÔNG LÊ VĂN VŨ**

**Thành viên Hội đồng Quản trị - Tổng Giám đốc**

Vui lòng xem tại Sơ yếu lý lịch của Thành viên Hội đồng Quản trị

**2. BÀ HUỲNH THANH HẢI**

**Thành viên Hội đồng Quản trị - Phó Tổng Giám đốc**

Vui lòng xem tại Sơ yếu lý lịch của Thành viên Hội đồng Quản trị

**3. ÔNG NGUYỄN THANH BÌNH**

**Phó Tổng Giám đốc**

Ngày tháng năm sinh: 02/03/1976

Nơi sinh: Bến tre

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 500 cổ phiếu, chiếm 0,01388% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

**4. BÀ TRẦN THỊ VÂN NGHI**

**Kế toán trưởng**

Ngày tháng năm sinh: 11/09/1977

Nơi sinh: Bến tre

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, ngành Tài chính – Kế toán các doanh nghiệp

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 3.800 cổ phiếu, chiếm 0,11% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

» Võ Minh Tuấn – Chồng: 1.700 cổ phiếu, chiếm 0,04% vốn điều lệ

## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)



### SỐ LƯỢNG CÁN BỘ NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>		
1	Trình độ trên đại học	1	0,70%
2	Trình độ đại học và cao đẳng	33	23,08%
3	Trình độ trung cấp	6	4,20%
4	Công nhân kỹ thuật	18	12,59%
5	Lao động phổ thông	132	92,31%
<b>II</b>	<b>Theo loại hợp đồng lao động</b>		
1	Hợp đồng không thời hạn	120	83,92%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)	47	32,87%
3	Hợp đồng xác định từ 1-3 năm	21	14,69%
<b>III</b>	<b>Theo giới tính</b>		
1	Nam	137	95,80%
2	Nữ	54	37,76%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>191</b>	<b>133,56%</b>

(\*) Có 03 lao động không có hợp đồng là Chủ tịch HĐQT, TGD và Trường BKS



### THU THẬP BÌNH QUÂN

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Thu nhập bình quân của người lao động (đồng/người/tháng)	11.257.000	12.250.000





### CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Một trong những yếu tố cốt lõi góp phần vào sự phát triển bền vững của một doanh nghiệp chính là ưu tiên xây dựng đội ngũ nhân sự. Thấu hiểu vai trò quan trọng của con người trong sự lớn mạnh của công ty, Công ty tập trung phát triển nguồn nhân lực theo hướng toàn diện, đồng thời đảm bảo sự công bằng trong quyền lợi dành cho người lao động. Đội

ngũ nhân sự có chuyên môn vững vàng, kỹ năng thành thạo chính là nền tảng vững chắc giúp doanh nghiệp không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu suất làm việc. Việc đảm bảo quyền lợi công bằng cho người lao động không chỉ giúp củng cố sự gắn kết nội bộ mà còn là phương thức quan trọng để phát triển nhân sự bền vững.

### VỀ TUYỂN DỤNG

Nhận thức rõ vai trò quan trọng của con người trong mọi hoạt động doanh nghiệp, Công ty đặc biệt chú trọng vào quá trình tuyển chọn, đánh giá và phát triển nguồn nhân lực. Theo đó, Công ty tổ chức tuyển dụng định kỳ hàng năm với quy trình minh bạch, khách quan, bao gồm sàng lọc hồ sơ, kiểm tra và phỏng vấn đánh giá, đảm bảo cơ hội bình đẳng cho tất cả ứng viên. Mọi nhân sự khi được tuyển dụng đều phải trải qua các bước xét duyệt theo quy trình chuẩn đã được ban hành. Tùy vào từng vị trí, Công ty đề ra các tiêu chuẩn riêng biệt,

nhưng tất cả đều cần đáp ứng những yêu cầu chung như trình độ chuyên môn, tinh thần học hỏi, chủ động trong công việc và khả năng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, tiêu chí tuyển dụng sẽ khắt khe hơn, yêu cầu cao về kinh nghiệm, năng lực phân tích, trình độ ngoại ngữ và kỹ năng tin học. Ngoài ra, Công ty áp dụng chính sách lương, thưởng cạnh tranh nhằm giữ chân nhân sự giỏi và thu hút nguồn lao động chất lượng cao từ nhiều lĩnh vực, góp phần nâng cao năng lực phát triển bền vững của doanh nghiệp.



### VỀ MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

Môi trường làm việc đóng vai trò quan trọng trong việc định hình bản sắc của mỗi doanh nghiệp, đồng thời là yếu tố then chốt ảnh hưởng đến quyết định gắn bó lâu dài của người lao động. Thấu hiểu điều này, Công ty luôn đặt ra các mục tiêu rõ ràng về thời gian và điều kiện làm việc, đảm bảo quyền lợi đầy đủ cho nhân viên. Công ty không ngừng hướng tới việc xây dựng môi trường làm việc lành mạnh, thân thiện nhưng vẫn chuyên nghiệp, tạo không gian thoải mái để người lao

động làm việc hiệu quả và hứng khởi. Đây cũng là yếu tố thu hút và giữ chân đội ngũ nhân sự có năng lực, góp phần nâng cao hiệu suất hoạt động của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, Công ty luôn đề cao các ý kiến đóng góp, sáng kiến sáng tạo và giải pháp thực tiễn từ nhân viên, coi đó là nền tảng để phát triển bền vững, đồng thời đảm bảo sự công bằng và tôn trọng quyền lợi của toàn thể người lao động.

### VỀ ĐÀO TẠO

Đào tạo nhân sự là một trong những chính sách ưu tiên hàng đầu của Công ty nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Công ty áp dụng nhiều phương thức đào tạo linh hoạt, phù hợp với từng lộ trình, định hướng và đối tượng cụ thể. Nhân sự được chia thành hai nhóm chính: nhân sự mới và nhân sự nội bộ. Chương trình đào tạo dành cho nhân sự mới giúp họ nhanh chóng làm quen với văn hóa doanh nghiệp, môi trường làm việc và các kỹ

năng chuyên môn cần thiết. Qua đó, Công ty có thể sàng lọc, phát hiện những cá nhân có năng lực, đạo đức nghề nghiệp tốt, đáp ứng tiêu chuẩn phát triển nhân sự kế thừa. Đối với nhân sự nội bộ, chương trình đào tạo được tổ chức nhằm nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và nhận thức, giúp đội ngũ cán bộ, công nhân viên không ngừng phát triển, đồng thời góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ và hướng đến sự phát triển bền vững của Công ty.

### VỀ LƯƠNG, THƯỞNG, PHÚC LỢI VÀ ĐÃI NGỘ

Người lao động tại Công ty được ký kết hợp đồng lao động theo đúng quy định pháp luật, đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ minh bạch. Định kỳ hàng tháng, tiền lương được chi trả dựa trên hệ thống chấm công của Công ty, phản ánh chính xác kết quả lao động đạt được. Đối với những công việc có tính chất nặng nhọc, độc hại người lao động được bồi dưỡng sửa, đường ..., trang bị đầy đủ đồ

bảo hộ lao động nhằm đảm bảo an toàn, đồng thời hưởng mức thù lao tương xứng với tính chất công việc. Trong năm, Công ty đã thực hiện rà soát lại hệ thống trả lương, điều chỉnh tăng lương cho người lao động từ ngày 01/07/2025 cao hơn mức lương tối thiểu vùng mới và điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi Quy chế tiền lương và thu nhập của công ty.

## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Đơn vị: đồng

STT	Tài sản	Mục đích sử dụng	Tổng mức đầu tư
1	Mua sắm 01 xe ép rác (hiệu ISUZU)	Vận chuyển rác	2.404.535.000
2	Mua xe đào bánh xích gầu 0,09 m3 hiệu ZANMAR VIO 30	Đào đất phục vụ công tác CVCX	155.000.000



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



### TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% 2025/2024
Tổng giá trị tài sản	113.253.568.450	114.725.003.496	101,30%
Doanh thu thuần	106.753.894.280	124.115.256.567	116,26%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	13.946.282.445	17.351.354.941	124,42%
Lợi nhuận khác	520.314.924	700.872.886	134,69%
Lợi nhuận trước thuế	14.466.597.443	18.052.227.827	124,79%
Lợi nhuận sau thuế	12.356.381.388	14.149.537.754	114,51%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20%	13%	-



### CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,06	2,05
Hệ số thanh toán nhanh	1,93	1,85
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	43,08%	43,34%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	75,68%	76,50%
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
Vòng quay Hàng tồn kho	8,77	10,84
Vòng quay Tổng tài sản	1,06	1,09
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	11,57%	11,40%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	19,17%	21,77%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	10,91%	12,33%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	13,55%	14,54%

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

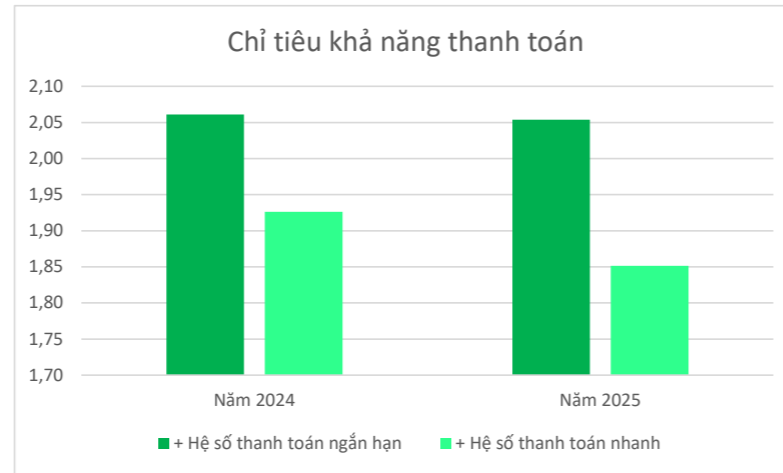


## CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

### CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

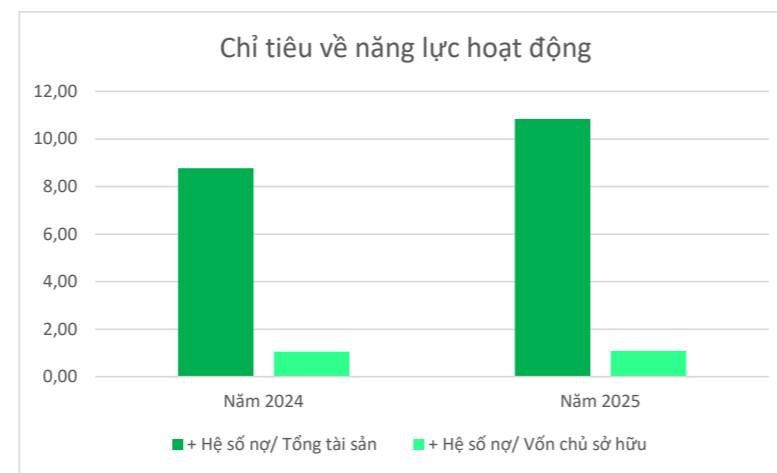
Năm 2025, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty có sự biến động nhẹ so với năm 2024. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2025 đạt 2,05 lần, giảm nhẹ so với mức 2,06 lần của năm 2024. Đồng thời, hệ số thanh toán nhanh năm 2025 đạt 1,85 lần, thấp hơn so với mức 1,93 lần của năm 2024.

Mặc dù có sự giảm nhẹ so với năm trước, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty đều duy trì ở mức trên 1, cho thấy Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán các nghĩa vụ nợ ngắn hạn bằng tài sản ngắn hạn hiện có. Điều này thể hiện tình hình thanh khoản của Công ty duy trì ở mức an toàn, tạo nền tảng ổn định cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.



### CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

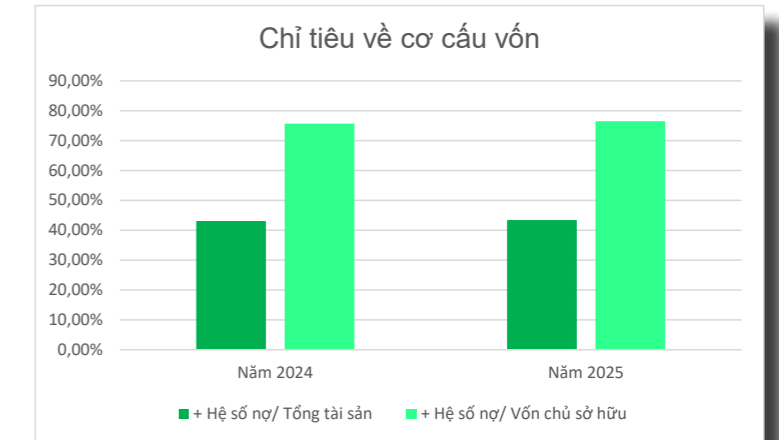
Trong năm 2025, năng lực hoạt động của Công ty ghi nhận những dấu hiệu tích cực. Cụ thể, vòng quay hàng tồn kho tiếp tục được cải thiện, tăng từ 8,77 vòng năm 2024 lên 10,84 vòng năm 2025, cho thấy hàng tồn kho của Công ty đang được quản lý hiệu quả hơn. Bên cạnh đó, vòng quay tổng tài sản cũng tăng nhẹ từ 1,06 vòng năm 2024 lên 1,09 vòng năm 2025, cho thấy việc sử dụng tài sản năm 2025 được cải thiện đạt hiệu quả cao hơn 2024.



### CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Năm 2025, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty có sự biến động nhẹ so với năm 2024. Cụ thể, hệ số nợ trên tổng tài sản năm 2025 đạt 43,34%, tăng nhẹ so với mức 43,08% của năm 2024. Đồng thời, hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu năm 2025 đạt 76,50%, cao hơn so với mức 75,68% của năm 2024.

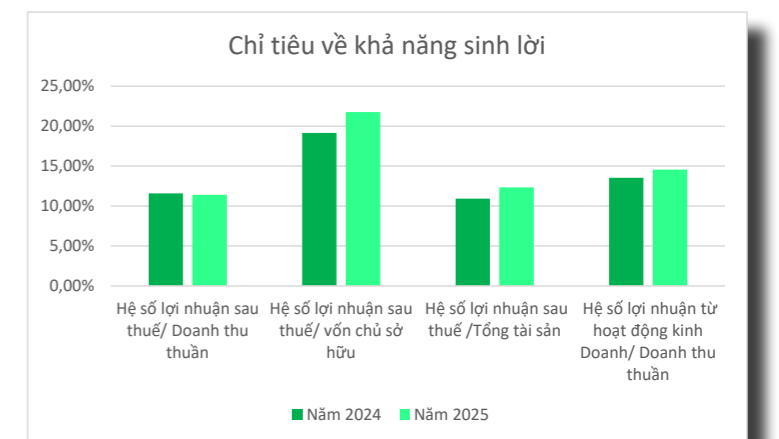
Các chỉ tiêu trên cho thấy tỷ trọng nợ trong tổng nguồn vốn của Công ty có xu hướng tăng nhẹ so với năm trước, tuy nhiên vẫn được duy trì ở mức hợp lý. Cơ cấu nguồn vốn của Công ty tiếp tục được duy trì theo hướng kết hợp giữa vốn vay và vốn chủ sở hữu, góp phần đảm bảo nguồn lực tài chính phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.



### CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Năm 2025, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty có sự biến động so với năm 2024. Cụ thể, hệ số lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần năm 2025 đạt 11,40%, giảm nhẹ so với mức 11,57% của năm 2024. Trong khi đó, hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu năm 2025 đạt 21,77%, tăng so với mức 19,17% của năm 2024, và hệ số lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản năm 2025 đạt 12,33%, cao hơn so với mức 10,91% của năm 2024.

Bên cạnh đó, hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần năm 2025 đạt 14,54%, tăng so với mức 13,55% của năm 2024. Các chỉ tiêu này cho thấy khả năng sinh lời trên vốn chủ sở hữu, tổng tài sản và hoạt động kinh doanh của Công ty



trong năm 2025 được cải thiện so với năm trước, đồng thời các chỉ tiêu sinh lời tiếp tục được duy trì ở mức ổn định, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và tạo nền tảng tài chính cho sự phát triển của Công ty trong các kỳ tiếp.

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

### CỔ PHẦN

Tên Cổ phiếu	BTU
Tổng số cổ phiếu thường	3.600.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.600.000 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu quỹ	Không có
Loại cổ phần	Cổ phần phổ thông
Mệnh giá cổ phần	10.000 đồng
Cổ phần hạn chế chuyển nhượng	316.600 cổ phiếu
Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	Không có
Giao dịch cổ phiếu quỹ	Không có
Các chứng khoán khác	Không có

### DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

STT	Tên	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu / VDL (%)
1	Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre	2.160.000	60,00%
2	Công ty cổ phần Tập đoàn ô Tô Hiệp Hòa	529.700	14,71%
3	Nguyễn Thanh Phong	180.000	5,00%
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.869.700</b>	<b>79,71%</b>

### CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Giá trị (đồng)	Tổng mức đầu tư
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>281</b>	<b>3.599.000</b>	<b>35.990.000.000</b>	<b>99,97%</b>
<b>II</b>	<b>Cổ đông nhà nước</b>	<b>1</b>	<b>2.160.000</b>	<b>21.600.000.000</b>	<b>60,00%</b>
1	Cổ đông tổ chức	2	539.700	5.397.000.000	14,99%
2	Cổ đông cá nhân	278	899.300	8.993.000.000	24,98%
<b>III</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>1</b>	<b>1.000</b>	<b>10.000.000</b>	<b>0,03%</b>
1	Cá nhân	-	-	-	-
2	Tổ chức	1	1.000	10.000.000	0,03%
<b>IV</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>282</b>	<b>3.600.000</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>

### TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2025, Công ty không có thực hiện tăng vốn điều lệ.

### GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không phát sinh trong năm 2025

### CÁC CHỨNG KHOẢN KHÁC

Không phát sinh trong năm 2025

# BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



## QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích, có gắn bó mật thiết với các hoạt động chăm sóc và bảo vệ môi trường, nguồn nguyên – vật liệu được BTU sử dụng chủ yếu là các công cụ, vật tư phục vụ cho hoạt động vệ sinh môi trường cũng như các hóa chất như phân bón, thuốc trừ sâu phục vụ cho các công tác chăm sóc công viên, cây xanh. Vì vậy, để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nguyên liệu, Công ty luôn tìm hiểu, khuyến khích người lao động có những sáng kiến nhằm sử dụng

hiệu quả nguyên liệu đầu vào, sử dụng tỷ lệ hóa chất tối ưu nhằm tối đa hóa lợi ích của Công ty mà vẫn đảm bảo chất lượng dịch vụ. Bên cạnh đó, Công ty luôn chú ý lựa chọn nguồn cung cấp nguyên vật liệu đáng tin cậy để giảm thiểu rủi ro mua nhầm hàng kém chất lượng, có khả năng gây hại cho môi trường sống và cộng đồng dân cư. Công ty luôn sử dụng nguồn vật liệu theo đúng quy định, đúng chỉ tiêu từng hạng mục công trình, đảm bảo về số lượng và chất lượng



## TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

BTU vinh dự là đơn vị trúng thầu và được giao trọng trách quản lý, vận hành, bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng trên toàn thành phố Bến Tre cũ. Bên cạnh việc đảm bảo nguồn chiếu sáng công cộng phục vụ cho đời sống sinh hoạt cũng như mỹ quan đô thị toàn thành phố, Công ty cũng ưu tiên trong việc tiết kiệm điện năng, tính toán thời gian chiếu sáng phù hợp. Theo đó, Công ty đã triển khai nhiều giải pháp thiết thực như tăng cường kiểm tra lưới điện, đo đạc

máy biến thế chống rò rỉ điện, sử dụng đồng hồ thời gian hiệu quả để điều chỉnh giờ bật, tắt. Kiến nghị Chủ đầu tư thay thế các bóng đèn hiệu suất thấp, công nghệ lạc hậu bằng đèn Compact, đèn LED với tỷ lệ tiết kiệm điện năng so với đèn thế hệ cũ có thể đạt từ 40 - 70%, trong khi đó, cường độ ánh sáng được phân phối đồng đều trên suốt tuyến chiếu sáng, giúp tăng tuổi thọ cho bóng đèn và chấn lưu.



## TIÊU THỤ NƯỚC

Nước là một phần không thể thiếu trong đời sống sinh hoạt cũng như quá trình sản xuất của con người. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích, các hoạt động của Công ty sẽ không thể diễn ra nếu không có nguồn nước hỗ trợ. Nguồn nước được Công ty sử dụng chủ yếu trong các hoạt động tưới tiêu, chăm sóc cây xanh, vệ sinh đường phố cũng như phục vụ các hoạt động thường ngày của người lao động. Nguồn nước này được cung cấp từ các Công ty cấp thoát nước trên địa bàn tỉnh Bến Tre cũ, đảm bảo tiêu chuẩn nguồn nước theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, thực

trạng xâm nhập mặn những năm trở lại đây ở miền Tây Nam Bộ nói chung, trong đó có tỉnh Bến Tre cũ nói riêng là một trong những rào cản ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước sạch, tác động trực tiếp đến các hoạt động của Công ty. Những hạn chế nói trên là động lực thúc đẩy Ban lãnh đạo Công ty nâng cao công tác tuyên truyền, vận động người lao động sử dụng nguồn nước hiệu quả, hợp lý, tránh lãng phí nguồn nước. Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo phối hợp cùng các cấp chính quyền địa phương kịp thời tích trữ nguồn nước ngọt khi triều thấp phục vụ hoạt động sản xuất và sinh hoạt tại Công ty.



## BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (TIẾP THEO)



### CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

- ◇ Tổng số CNV lao động hiện tại của Công ty là 191 người.
- ◇ Thu nhập bình quân năm 2025 của CNV lao động là 12.250.000 triệu đồng/người/tháng.

#### Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Công ty luôn cam kết đóng Bảo hiểm cho người lao động đầy đủ theo quy định Luật Lao động hiện hành như Bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm Xã hội, Bảo hiểm thất nghiệp, ... Tổ chức thăm khám sức khỏe định kỳ cho người lao động tại các cơ sở y tế uy tín chất lượng cao; Thăm hỏi nhân viên, người nhà nhân viên ốm đau, nằm viện, hiếu hỷ; Hoạt động Khuyến học đối với gia đình người lao động có con em đạt thành tích xuất sắc ở trường,...

#### Hoạt động đào tạo người lao động

BTU hiểu rõ con người là chủ thể trong quá trình hội nhập và phát triển của nhân loại nên Công ty đặc biệt chú trọng tới vấn đề đào tạo nguồn nhân lực. Công ty thường xuyên cử cán bộ, công nhân viên đi học các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ theo từng lĩnh vực chuyên sâu nhằm mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ nhân viên có năng lực cao, phục vụ tiến trình hoạt động và phát triển của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên tham gia vào lớp học quản lý hệ thống chất lượng ISO 9001:2015 nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho khách hàng đúng theo quy định. Chính sách đào tạo của Công ty phải đảm bảo nguyên tắc nguồn lực ổn định và lâu dài đảm bảo cân đối giữa gián tiếp và trực tiếp.



### TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Quá trình đô thị hoá tương đối nhanh đã có những ảnh hưởng đáng kể đến môi trường và tài nguyên thiên nhiên, đến cân bằng sinh thái: tài nguyên đất bị khai thác triệt để để xây dựng đô thị, làm giảm diện tích cây xanh và mặt nước, gây ra úng ngập, cùng với nhu cầu nước phục vụ sinh hoạt, dịch vụ, sản xuất ngày càng tăng làm suy thoái nguồn tài nguyên nước. Bên cạnh đó, rác thải sinh hoạt từ các hộ dân và nhà máy sản xuất cũng ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích, có gắn bó chặt chẽ đến vệ sinh môi trường, BTU nhận thức được vai trò của mình trong việc duy trì nguồn xanh của cộng đồng. Theo đó, Công ty cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến việc bảo vệ môi trường; nâng cao ý thức người lao động; giảm thiểu mùi hôi trong công tác thu gom, vận chuyển rác thải.



### BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương là công tác BTU đặc biệt quan tâm. Trong năm 2024, Ban lãnh đạo Công ty phối hợp cùng các cấp chính quyền địa phương đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền đến người lao động cũng như người dân trên địa bàn hoạt động về ý thức bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh nơi công cộng, ... Bên cạnh đó, Công ty vẫn luôn duy trì các hoạt động ủng hộ Hội khuyến học tỉnh, hỗ trợ các trung tâm, các trường học dành cho người khuyết tật, trao quà cho các hộ nghèo, các cá nhân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.





# 03

## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai của doanh nghiệp
- Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## TÌNH HÌNH CỦA CÔNG TY

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	KH 2025	TH 2024	TH 2025	% TH2025/ KH2025	% TH2025/ TH2024
Tổng tài sản	-	113.253.568.450	114.725.003.496		101,30%
Vốn điều lệ	36.000.000.000	36.000.000.000	36.000.000.000	100,00%	100,00%
Doanh thu thuần	110.000.000.000	106.753.894.280	124.115.256.567	112,83%	116,26%
Lợi nhuận từ HĐKD	13.700.000.000	13.946.282.445	17.351.354.941	126,65%	124,42%
Lợi nhuận khác	-	520.314.924	700.872.886		134,69%

## NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Công ty không ngừng cải thiện và xây dựng các chính sách đào tạo đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, có khả năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc; đồng thời các quy định về an toàn trong công tác vận hành, thi công tại Công ty luôn được thực hiện nghiêm chỉnh. Bên cạnh đó, Công ty cũng trang bị, kiểm tra và tổ chức đầy đủ các buổi tập huấn cho cán bộ công nhân viên trong Công ty cũng như khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty. Công ty hướng tới mở rộng địa bàn kinh doanh ra các khu vực lân cận, tập trung vào khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long. Thêm vào đó, bộ máy quản lý Công ty cũng được tinh gọn, lực lượng lao động được sắp xếp phù hợp với nhu cầu công việc của từng bộ phận, từng phòng ban. Ngoài ra, Công ty luôn cố gắng giải quyết kịp thời, nhanh chóng và đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

## THUẬN LỢI

Công ty luôn nhận được sự quan tâm, chia sẻ của Chủ sở hữu vốn nhà nước, các Sở Ngành về chuyên môn và Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác Đảng, qua đó đã động viên tập thể cán bộ, đảng viên và CNVC-LĐ toàn Đảng bộ hoàn thành tốt các nhiệm vụ.

Sự quyết tâm, nhạy bén trong lãnh đạo, điều hành của Ban lãnh đạo, sự năng nổ, nhiệt tình, chia sẻ của đội ngũ CNVC-LĐ là yếu tố góp phần giúp Công ty từng bước vượt qua khó khăn, thách thức, qua đó duy trì, ổn định hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Tập thể Ban lãnh đạo luôn đoàn kết, thống nhất, phát huy tính kế thừa, “đồng thuận - sáng tạo” và linh hoạt trong xử lý các tình huống mới do thay đổi cơ chế, chính sách, đồng thời tích cực quan hệ để tìm kiếm đối tác mới, thị trường tiềm năng song song với việc giữ vững thị trường truyền thống.

## KHÓ KHĂN

Hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của Công ty tuy ổn định và hiệu quả nhưng vẫn chịu sự tác động chung của nền kinh tế thị trường, ngân sách của các địa phương dành cho các dịch vụ công ích ngày càng hạn hẹp nên tỷ lệ giảm giá trong giá mời thầu ngày càng cao so với dự toán tính đúng, tính đủ theo đơn giá định mức Nhà nước ban hành trong khi khối lượng thực hiện tăng rất nhiều, cạnh tranh trong đấu thầu không lành mạnh; sự cạnh tranh về giá dự thầu các gói thầu dịch vụ công ích ngày càng trở nên khốc liệt, khi nhiều đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích đô thị cùng tham gia đấu thầu nên Công ty phải giảm giá sâu để trúng thầu nhằm đảm bảo việc làm của người lao động, nhất là dịch vụ quản lý, chăm sóc công viên - cây xanh; nguồn nhân công phục vụ công tác vệ sinh đô thị trên địa bàn rất khan hiếm nên công ty cần phải có chính sách ưu đãi phù hợp để thu hút lao động. Bên cạnh đó chi phí sản xuất tăng cao do tiền lương nhân công và giá cả chi phí đầu vào luôn tăng nhưng đơn giá dịch vụ không được điều chỉnh kịp thời ... ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động. Các nguyên nhân nêu trên đã ảnh hưởng đến khả năng tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận, thu nhập của người lao động, đồng thời là yếu tố then chốt chi phối khả năng hoàn thành kế hoạch được giao hàng năm.

Thực hiện Nghị quyết 202/2025/QH15 và 1687/2025/UBTVQH15 về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh và sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Vĩnh Long năm 2025; Điều 11, Điều 45 của Nghị định 125/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính nên Công ty gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc trong việc thay đổi chủ đầu tư, phân chia khối lượng theo địa giới hành chính xã, phường đối với các gói thầu dịch vụ công đang thực hiện, đồng thời trong thời gian tới cơ hội trúng thầu các dịch vụ này ngày càng thấp do quy mô các gói thầu bị chia nhỏ, manh mún, quản lý nhà nước về hạ tầng đô thị có thể khác nhau giữa các địa phương....

Chi phí sản xuất leo thang do giá nhân công, nhiên liệu và vật tư đầu vào tăng, trong khi đơn giá dịch vụ chưa được điều chỉnh kịp thời. Việc thu hồi công nợ từ Nhà máy xử lý rác vẫn bế tắc với khoản nợ lớn so với vốn điều lệ, tạo gánh nặng tài chính và hạn chế dòng tiền hoạt động.



# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Tỷ trọng 2024	Năm 2025	Tỷ trọng 2025	%2025/ 2024
Tài sản ngắn hạn	100.562.445.760	88,79%	102.137.647.594	89,03%	101,57%
Tài sản dài hạn	12.691.122.690	11,21%	12.587.355.902	10,97%	99,18%
Tổng Tài sản	113.253.568.450	100,00%	114.725.003.496	100,00%	101,30%

Năm 2025, tổng tài sản của Công ty ghi nhận mức tăng nhẹ, đạt 114,73 tỷ đồng, tăng 1,30% so với mức 113,25 tỷ đồng năm 2024. Trong đó, tài sản ngắn hạn tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn, đạt 102,14 tỷ đồng, tương ứng 89,03% tổng tài sản và tăng 1,57% so với năm trước. Sự gia tăng của tài sản ngắn hạn chủ yếu đến từ các khoản phải thu khách hàng, phản ánh đặc thù thanh toán trong hoạt động cung cấp dịch vụ cũng như quy mô hoạt động duy trì ổn định. Trong khi đó, tài sản dài hạn giảm nhẹ từ 12,69 tỷ đồng xuống còn 12,59 tỷ đồng, chủ yếu do trích khấu hao tài sản cố định trong kỳ và không phát sinh đáng kể các khoản đầu tư mới.

## TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Tỷ trọng 2024	Năm 2025	Tỷ trọng 2025	%2025/ 2024
Nợ ngắn hạn	48.787.944.704	43,08%	49.726.214.048	43,34%	101,92%
Nợ dài hạn	-	-	-	-	-
Nguồn vốn chủ sở hữu	64.465.623.746	56,92%	64.998.789.448	56,66%	100,83%
Tổng nguồn vốn	113.253.568.450	100,00%	114.725.003.496	100,00%	101,30%

Năm 2025, tổng nguồn vốn của Công ty ghi nhận mức tăng nhẹ 1,30%, đạt 114,73 tỷ đồng, với sự biến động không đáng kể giữa các cấu phần. Cơ cấu nguồn vốn nhìn chung được duy trì ổn định so với năm 2024. Nợ ngắn hạn chiếm 43,34% tổng nguồn vốn, tăng nhẹ so với mức 43,08% của năm trước, trong khi nguồn vốn chủ sở hữu chiếm 56,66%, giảm nhẹ về tỷ trọng nhưng vẫn giữ vai trò chủ đạo.

Sự thay đổi này chủ yếu do nợ ngắn hạn trong năm tăng nhẹ, phản ánh các khoản phải trả phát sinh trong hoạt động thường xuyên của Công ty. Trong khi đó, vốn chủ sở hữu cũng ghi nhận mức tăng không đáng kể, chủ yếu đến từ phần lợi nhuận tích lũy trong năm. Việc không phát sinh nợ dài hạn cho thấy Công ty tiếp tục duy trì chính sách tài chính thận trọng, hạn chế sử dụng đòn bẩy và đảm bảo mức độ an toàn trong cơ cấu nguồn vốn.

## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ CHÍNH SÁCH

- Hiện tại Công ty áp dụng việc quản trị công ty theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, tuân thủ quy định của pháp luật về Công ty Đại chúng. Để tăng cường kế hoạch quản trị công ty, Công ty triển khai xây dựng các quy chế quản trị Công ty phù hợp với các quy định cho Công ty đại chúng và Điều lệ Công ty ban hành. Các quy định nhằm mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, người lao động, đảm bảo cơ cấu quản trị chất lượng, hiệu quả.
- Có chính sách đãi ngộ đối với người lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm thu hút nhân tài bên ngoài và giữ nguồn nhân lực nòng cốt hiện có, giúp người lao động an tâm, tin tưởng và gắn bó ổn định với Công ty. Ngoài ra, Công ty thực thi các quy chế quản trị, nội quy lao động, có cơ chế thưởng phạt nghiêm minh, thiết lập tổ chức hoạt động Công ty ngày càng chặt chẽ, lành mạnh.
- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, các tổ chức đoàn thể nhằm tạo sự đồng thuận trong điều hành lãnh đạo được đồng bộ hiệu quả.
- Tập trung sắp xếp củng cố bộ máy quản lý để thực hiện nhiệm vụ phát triển của Công ty. Mạnh dạn luân chuyển, điều động cán bộ quản lý nhằm đổi mới cơ chế quản lý theo hướng tăng cường sự chủ động tích cực trong tổ chức nhằm tạo ra năng suất, chất lượng cao đem lại hiệu quả và lợi nhuận cho Công ty.
- Không ngừng áp dụng các biện pháp cải tiến và hoàn thiện công tác tổ chức, hoạt động của các Phòng, Ban, Đội nâng cao hiệu quả của từng bộ phận, từng cá nhân như sắp xếp bộ máy, bố trí nhân sự phù hợp, hằng năm có kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ người lao động của Công ty.
- Có chính sách khen thưởng kịp thời những sáng kiến làm tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty



## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

### KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	TH 2025	KH 2026
Tổng tài sản	114.725.003.496	-
Vốn điều lệ	36.000.000.000	36.000.000.000
Doanh thu thuần	126.003.443.575	110.000.000.000
Lợi nhuận từ HĐKD	17.351.354.941	14.800.000.000
Lợi nhuận khác	700.872.886	-
Lợi nhuận trước thuế	18.052.227.827	14.800.000.000
Lợi nhuận sau thuế	14.149.537.754	11.800.000.000
Tỷ lệ cổ tức	13%	12%

### KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2026

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Tổng mức đầu tư
1	Mua sắm 02 xe chuyên dùng vận chuyển rác 14m <sup>3</sup>	Tỷ đồng	4,81
2	Mua sắm 01 xe tải cầu có chiều dài cầu >=16m	Tỷ đồng	2,46
3	Mua sắm 01 xe ô tô 7 chỗ ngồi	Tỷ đồng	1,2
<b>Tổng cộng</b>		<b>Tỷ đồng</b>	<b>8,47</b>

## GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026

### Công tác điều hành, triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh

- » Công ty phải tiếp tục củng cố nâng cao năng lực cạnh tranh về nhân sự quản lý, lao động có tay nghề, máy móc thiết bị.... đảm bảo đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của hồ sơ mời thầu.
- » Ưu tiên tập trung các nguồn lực (tài chính, con người), đầu tư mua sắm các thiết bị, phương tiện chuyên dùng để nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ công ích đồng thời mở rộng hoạt động thi công xây dựng dân dụng và các hoạt động sản xuất kinh doanh khác.
- » Đẩy mạnh thay đổi mô hình quản trị doanh nghiệp, sửa đổi bổ sung các nội quy, quy chế ... nhằm thực hiện các quy định mới (nếu có) và thích ứng tình hình mới, sắp xếp lại bộ máy nhân sự theo hướng thu hẹp hoạt động, nâng cao nhận thức về công tác quản lý cho các bộ phận chuyên môn mang lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh hoạch định chiến lược kinh doanh.
- » Chủ động tìm kiếm các đối tác, khách hàng mới, mở rộng địa bàn hoạt động trong và ngoài tỉnh, đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh; hoàn thành những đơn đặt hàng và hợp đồng với các Chủ đầu tư đảm bảo chất lượng sản phẩm và thời gian theo quy định.
- » Tổ chức thành công Đại hội cổ đông thường niên đúng theo quy định; liên hệ tìm kiếm đối tác, cân đối nguồn lực, nghiên cứu đề xuất phương án tiếp nhận và đầu tư hoàn thiện Nhà máy xử lý rác đồng thời với các giải pháp cụ thể nhằm đôn đốc thu hồi nợ và giải quyết những vấn đề có liên quan khi Công ty cổ phần xử lý Rác Bẩn Tre chính thức kết thúc hoạt động.

### Công tác tài chính

- » Ghi nhận và hạch toán báo cáo tài chính rõ ràng, minh bạch và đúng quy định;
- » Thực hiện cân đối, hợp nhất báo cáo tài chính phù hợp với tình hình và yêu cầu thực tế tại Công ty;
- » Tiếp tục khai thác và sử dụng phần mềm quản lý vệ sinh môi trường trong việc tăng cường công tác quản lý bộ thu dịch vụ vệ sinh ngày càng hiệu quả đồng thời với việc sử dụng hóa đơn điện tử đúng quy định.

### Công tác nhân sự

- » Rà soát, sắp xếp, tuyển dụng, bố trí lại lực lượng lao động nhằm thực hiện tốt và hiệu quả hơn công tác dịch vụ công ích, thu dịch vụ vệ sinh, đồng thời tiếp tục rà soát điều chỉnh, bổ sung các nội quy, quy chế nhằm hướng tới mục tiêu thực hiện đúng quy định hiện hành, phù hợp tình hình và yêu cầu thực tế tại công ty, tạo động lực cho người lao động nâng cao năng suất lao động và yên tâm công tác.
- » Nâng cao năng lực quản lý kinh doanh, đổi mới phương thức quản lý, xây dựng đội ngũ CNVC-LĐ ngày càng chuyên nghiệp, trách nhiệm, ngang tầm với nhiệm vụ của công ty.
- » Tăng cường, khuyến khích, tạo điều kiện về thời gian cho CNVC-LĐ tham gia các lớp tập huấn, đào tạo, nâng cao trình độ, tay nghề, kỹ năng làm việc nhằm đáp ứng yêu cầu về nguồn lực trong điều kiện sản xuất kinh doanh ngày càng khó khăn phải cạnh tranh theo cơ chế thị trường.



# 04

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

# ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

## VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Doanh thu thuần của Công ty tăng nhẹ so với năm 2024, cho thấy sự ổn định trong hoạt động kinh doanh. Cơ cấu doanh thu có sự chuyển dịch tích cực, với sự tăng trưởng ở mảng thi công công trình và vệ sinh đô thị. Tuy nhiên, một số mảng dịch vụ công ích truyền thống có sự điều chỉnh giảm. Hội đồng quản trị đánh giá cao sự chủ động của Ban điều hành trong việc thích ứng với tình hình thị trường, tuy nhiên, cần tiếp tục theo dõi sát sao diễn biến của các mảng dịch vụ để có những điều chỉnh kịp thời.

## VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tổng tài sản và tổng nguồn vốn của Công ty đều ghi nhận sự tăng trưởng. Tuy nhiên, cơ cấu nguồn vốn có sự thay đổi, với tỷ trọng nợ ngắn hạn tăng lên. Hội đồng quản trị yêu cầu Ban điều hành quản lý chặt chẽ các khoản nợ, đảm bảo an toàn tài chính và hiệu quả sử dụng vốn.

## VỀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Công ty tiếp tục thực hiện quản trị doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Các quy chế quản trị được xây dựng và triển khai nhằm bảo vệ quyền lợi của cổ đông, người lao động và nâng cao hiệu quả hoạt động. Hội đồng quản trị đánh giá cao những nỗ lực của Ban điều hành trong việc cải tiến cơ cấu tổ chức, chính sách nhân sự và quy trình làm việc.

## VỀ TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Hội đồng quản trị đặc biệt quan tâm đến các hoạt động của Công ty liên quan đến môi trường và xã hội. Công ty đã có những nỗ lực đáng ghi nhận trong việc quản lý nguyên vật liệu, tiết kiệm năng lượng và sử dụng nước hiệu quả. Công ty cũng tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và có những đóng góp tích cực cho cộng đồng địa phương. Hội đồng quản trị khuyến khích Công ty tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được và không ngừng nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp đối với môi trường và xã hội.



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị thực hiện công tác giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và các bộ phận quản lý khác trong Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; đại diện Hội đồng quản trị có tham gia các cuộc họp tại Công ty để kịp thời kiểm tra, chỉ đạo, đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ luật pháp, thực hiện đúng các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị; xây dựng, thông qua các quy chế, quy định nội bộ giao cho Tổng giám đốc chủ động thực hiện các phương án sắp xếp, tinh gọn lại bộ máy quản lý nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác điều hành.

Hội đồng quản trị ghi nhận và đánh giá cao những nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc và các cấp quản lý điều hành trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025. Trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều biến động và thách thức, Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện vai trò quan trọng trong việc điều hành Công ty, cụ thể:

- ♦ Điều hành linh hoạt và kịp thời: Ban Tổng Giám đốc đã đưa ra các giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp với chủ trương và định hướng của HĐQT, giúp Công ty ứng phó hiệu quả với những thay đổi của thị trường.
- ♦ Triển khai chủ trương của HĐQT: Các chủ trương, chỉ đạo của HĐQT được Ban điều hành triển khai đầy đủ, kịp thời và báo cáo chi tiết kết quả thực hiện với tinh thần trách nhiệm cao, đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa HĐQT và Ban điều hành.
- ♦ Đảm bảo ổn định hoạt động: Sự quản lý điều hành hiệu quả của Ban Tổng Giám đốc đã góp phần quan trọng vào việc duy trì sự ổn định trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững.
- ♦ Hội đồng Quản trị tin tưởng rằng, với năng lực và kinh nghiệm của mình, Ban Tổng Giám đốc sẽ tiếp tục có những đóng góp quan trọng vào sự phát triển của Công ty trong những năm tới.

## KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2026, HĐQT sẽ tập trung đẩy mạnh chỉ đạo một số hoạt động của Công ty như sau:

- ♦ Phối hợp cùng Ban Tổng Giám đốc đưa ra các chỉ đạo trong quá trình hoạt động kinh doanh, nỗ lực hoàn thành kế hoạch năm 2026, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ của Công ty góp phần vào sự phát triển chung của tỉnh Vĩnh Long.
- ♦ Xác định hoạt động công ích là nhiệm vụ chính trị then chốt, hàng đầu, do đó Công ty tiếp tục nâng cao chất lượng và quy mô dịch vụ, trong đó chú trọng nhiều biện pháp thực hiện đồng bộ. Mở rộng sản xuất kinh doanh theo ngành nghề đã đăng ký kinh doanh nhằm tối đa hoá lợi nhuận cho doanh nghiệp. Xây dựng chương trình, kế hoạch quảng bá tiếp thị những dịch vụ hiện có của Công ty, phát triển các sản phẩm, dịch vụ mới nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ ngày càng đáp ứng nhu cầu thị trường với giá cả phù hợp đảm bảo cạnh tranh.
- ♦ Tích cực tạo dựng hình ảnh, vị thế nhằm thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư, khách hàng về Công ty và sản phẩm dịch vụ của Công ty khi tham gia đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán
- ♦ Bên cạnh đó, HĐQT còn đưa ra các phương án nhằm tăng cường quản trị công ty như:
- ♦ Hiện tại Công ty áp dụng việc quản trị công ty theo Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, tuân thủ quy định của pháp luật về Công ty Đại chúng. Để tăng cường kế hoạch quản trị công ty, Công ty triển khai xây dựng các quy chế quản trị Công ty phù hợp với các quy định cho Công ty đại chúng và Điều lệ Công ty ban hành. Các quy định nhằm mục tiêu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, người lao động, đảm bảo cơ cấu quản trị chất lượng, hiệu quả.
- ♦ Có chính sách đãi ngộ đối với người lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm thu hút nhân tài bên ngoài và giữ nguồn nhân lực nòng cốt hiện có, giúp người lao động an tâm, tin tưởng và gắn bó ổn định với Công ty. Ngoài ra, Công ty thực thi các quy chế quản trị, nội quy lao động, có cơ chế thưởng phạt nghiêm minh, thiết lập tổ chức hoạt động Công ty ngày càng chặt chẽ, lành mạnh.
- ♦ Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, các tổ chức đoàn thể nhằm tạo sự đồng thuận trong điều hành lãnh đạo được đồng bộ hiệu quả.
- ♦ Tập trung sắp xếp củng cố bộ máy quản lý để thực hiện nhiệm vụ phát triển của Công ty. Mạnh dạn luân chuyển, điều động cán bộ quản lý nhằm đổi mới cơ chế quản lý theo hướng tăng cường sự chủ động tích cực trong tổ chức nhằm tạo ra năng suất, chất lượng cao đem lại hiệu quả và lợi nhuận cho Công ty.
- ♦ Không ngừng áp dụng các biện pháp cải tiến và hoàn thiện công tác tổ chức, hoạt động của các Phòng, Ban, Đội nâng cao hiệu quả của từng bộ phận, từng cá nhân như sắp xếp bộ máy, bố trí nhân sự phù hợp, hằng năm có kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ người lao động của Công ty. Có chính sách khen thưởng kịp thời những sáng kiến làm tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.



# 05

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hoạt động của Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát.

# HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Tấn Vũ	4/4	100%	
2	Ông Lê Văn Vũ	4/4	100%	
3	Bà Huỳnh Thanh Hải	4/4	100%	
4	Ông Nguyễn Thanh Phong	4/4	100%	
5	Ông Đào Mạnh Hùng	4/4	100%	

## HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Công ty có **Ông Nguyễn Thanh Phong** đáp ứng tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

## DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty không có Thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty.

## CÁC NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT NGHỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	24/NQ-HĐQT	16/4/2025	Nghị quyết về việc gia hạn tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2025
2	25/NQ-HĐQT	05/5/2025	Nghị quyết về việc tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2025
3	26/NQ-HĐQT	04/6/2025	Nghị quyết về việc thông qua tài liệu ĐHCĐ thường niên năm 2025
4	01/NQ-HĐQT	26/6/2025	Nghị quyết về việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị NK 2025-2030
5	50/QĐ-HĐQT	19/3/2025	Quyết định về việc phê duyệt quỹ tiền lương năm 2024

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
6	51/QĐ-HĐQT	16/6/2025	Quyết định về việc điều chỉnh bổ sung tài liệu Đại hội đồng cổ đông năm 2025
7	01/QĐ-HĐQT	26/6/2025	Quyết định về việc bổ nhiệm Tổng giám đốc nhiệm kỳ 2025-2030
8	02/QĐ-HĐQT	10/7/2025	Quyết định về việc phê duyệt kết quả xếp loại doanh nghiệp năm 2024 (Công ty con)
9	03/QĐ-HĐQT	10/7/2025	Quyết định về việc phân phối lợi nhuận năm 2024
10	04/QĐ-HĐQT	10/7/2025	Quyết định về việc giao nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 (Công ty Cổ phần Công trình đô thị Bến Tre)
11	05/QĐ-HĐQT	10/7/2025	Quyết định về việc giao nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 (Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển đô thị Bến Tre)
12	06/QĐ-HĐQT	31/7/2025	Quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung Quy chế tiền lương và thu nhập.
13	07/QĐ-HĐQT	05/8/2025	Quyết định về việc bổ nhiệm lại Kế toán trưởng nhiệm kỳ 2025-2030.
14	08/QĐ-HĐQT	05/8/2025	Quyết định về việc bổ nhiệm lại Người phụ trách quản trị nhiệm kỳ 2025-2030.
15	09/QĐ-HĐQT	05/8/2025	Quyết định về việc bổ nhiệm lại Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển đô thị Bến Tre) nhiệm kỳ 2025-2030.
16	10/QĐ-HĐQT	05/8/2025	Quyết định về việc bổ nhiệm chức danh Chủ tịch Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển đô thị Bến Tre) nhiệm kỳ 2025-2030.
17	11/QĐ-HĐQT	11/9/2025	Quyết định về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tài chính, quản lý nợ và chi tiêu nội bộ.
18	12/QĐ-HĐQT	15/12/2025	Quyết định bổ nhiệm lại chức vụ Phó Tổng giám đốc đối với bà Huỳnh Thanh Hải
19	13/QĐ-HĐQT	15/12/2025	Quyết định bổ nhiệm lại chức vụ Phó Tổng giám đốc đối với ông Nguyễn Thanh Bình

# HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

## HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Trịnh Văn Đẩu	04	100%	-
2	Nguyễn Hữu Thuận	02	100%	Miễn nhiệm ngày 26/6/2025
3	Võ Minh Hùng	04	100%	-
4	Phạm An Huy	02	50 %	Mới bổ nhiệm

## HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT

- ♦ Giám sát việc triển khai, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của HĐQT; Giám sát việc tuân thủ pháp luật Nhà nước, Điều lệ và các Quy chế nội bộ đối với HĐQT, BTGD trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- ♦ Kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con.
- ♦ Kiểm tra, giám sát công tác hạch toán kế toán, đảm bảo tuân thủ Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.
- ♦ Ban kiểm soát phối hợp với Hội đồng Quản trị trình ĐHCĐ chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025.

## SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Ban kiểm soát được tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các cuộc họp giao ban của Ban Tổng Giám đốc, đồng thời khi có yêu cầu cung cấp cũng nhận được các hồ sơ, tài liệu văn bản chỉ đạo và điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát nhằm để phối hợp, nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của Công ty, từ đó tham gia ý kiến về các chủ trương chính sách của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc, góp phần thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông để ra.

## HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT

### Căn cứ chức năng nhiệm vụ, Ban kiểm soát đã triển khai thực hiện các nội dung công việc chủ yếu sau:

- » Giám sát việc triển khai, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của HĐQT; Giám sát việc tuân thủ pháp luật Nhà nước, Điều lệ và các Quy chế nội bộ đối với HĐQT, BTGD trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- » Kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con.
- » Kiểm tra, giám sát công tác hạch toán kế toán, đảm bảo tuân thủ Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực Kế toán Việt nam.
- » Ban kiểm soát kết hợp các Phòng ban và Xí nghiệp Liên Hợp thẩm định, kiểm tra, giám sát quá trình sửa chữa thường xuyên phương tiện vận tải, giám sát việc thực hiện các gói thầu dịch vụ công ích trên địa bàn mà công ty thực hiện.
- » Ban kiểm soát đã phối hợp với BTGD thẩm định các chỉ tiêu SXKD, tiền lương kế hoạch năm 2025, thẩm định tiền lương thực hiện của người lao động và tiền lương của Viên chức quản lý năm 2024.
- » Kiểm soát hoạt động: Xem xét đánh giá các quy trình trọng yếu của công ty, kiểm tra các đơn vị trực thuộc Công ty nhằm phát hiện các rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót từ đó đề xuất, kiến nghị các giải pháp phù hợp cho ban lãnh đạo.
- » Kiểm soát báo cáo tài chính: kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính, phân tích ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính. Giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực hiện những ý kiến do Ban kiểm soát đưa ra

### Đồng thời Ban kiểm soát đã chú trọng đến những hoạt động kiểm tra, giám sát trên một số lĩnh vực sau:

- » Xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2025 đã được Đại hội cổ đông thông qua.
- » Ban kiểm soát kết hợp với các Phòng ban, Đội kiểm tra lịch trình hoạt động và thời gian hoạt động của xe ép rác từng chuyến từ nơi tập kết rác về đến bãi rác An Hiệp.
- » Ban kiểm soát thường xuyên kiểm tra, giám sát CNVC-LĐ trong việc chấp hành Nội quy lao động công ty, bảo hộ lao động do công ty trang cấp.

# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT

## LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Lương	Thù lao	Thưởng	Tổng
<b>Hội đồng quản trị</b>						
1	Nguyễn Tấn Vũ	Chủ tịch HĐQT	892.800.000		111.600.000	1.004.400.000
2	Lê Văn Vũ	TV.HĐQT - Tổng Giám đốc	839.334.973		104.916.872	944.251.845
3	Huỳnh Thanh Hải	TV.HĐQT - Phó Tổng Giám đốc	707.648.504		88.456.063	796.104.567
4	Nguyễn Thanh Phong	TV.HĐQT		62.400.000		62.400.000
5	Đào Mạnh Hùng	TV.HĐQT		62.400.000		62.400.000
<b>Ban Kiểm soát</b>						
1	Trịnh Văn Đẩu	Trưởng ban Kiểm soát	748.800.000		93.600.000	842.400.000
2	Nguyễn Hữu Thuận	Kiểm soát viên		48.000.000		48.000.000
3	Võ Minh Hùng	Kiểm soát viên		24.000.000		24.000.000
3	Phạm An Huy	Kiểm soát viên		24.000.000		24.000.000
<b>Ban điều hành</b>						
1	Lê Văn Vũ	TV.HĐQT - Tổng Giám đốc		Như trên		
2	Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	707.648.504		88.456.063	796.104.567
3	Huỳnh Thanh Hải	TV.HĐQT - Phó Tổng Giám đốc		Như trên		
4	Trần Thị Vân Nghi	Kế toán trưởng	686.365.842		85.795.730	772.161.572

## GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2025)		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thanh Bình	Người nội bộ	5.000	0,139%	500	0,014%	Bán
2	Trịnh Văn Đẩu	Người nội bộ	100	0,00278%	7.000	0,1944%	Mua

## GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY; HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan công ty	Số giấy NSH(*), ngày cấp, nơi cấp	Thời gian giao dịch	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐQT/ĐHĐCĐ thông qua	Nội dung giao dịch, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty TNHH MTV Xây dựng và phát triển đô thị Bến Tre	Công ty con	1301024140, do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp đổi lần thứ 4 ngày 17/07/2023	năm 2025	23/NQ-HĐQT ngày 31/12/2024 của Hội đồng quản trị Công ty CP Công trình đô thị Bến Tre về giao dịch với các bên có liên quan	Cung cấp dịch vụ, thi công công trình, cho thuê tài sản; tổng giá trị giao dịch năm 2025 là 8.615 tỷ đồng
2	Công ty cổ phần ô tô chuyên dùng Hiệp Hòa	Công ty có liên quan của Ông Đào Mạnh Hùng (có Chủ tịch HĐQT – Ông Đào Mạnh Hùng là thành viên HĐQT Công ty)	900272165 - 22/08/2025, Phòng Đăng ký KD, Sở Tài chính Hưng Yên cấp	Tháng 11/2025	23/NQ-HĐQT ngày 31/12/2024 của Hội đồng quản trị Công ty CP Công trình đô thị Bến Tre về giao dịch với các bên có liên quan	Cung cấp phụ tùng sửa chữa xe ép rác, 01 xe ép rác 14m <sup>3</sup> chuyên dùng phục vụ công ích đô thị; tổng giá trị giao dịch tháng 11/2025 là 2,408 tỷ đồng
3	Công ty cổ phần Công trình đô thị Trà Vinh	Công ty có liên quan của Ông Đào Mạnh Hùng (có ông Đào Mạnh Hùng – thành viên HĐQT, đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty)	2100234397 03/12/2025 do Phòng PTDN & KTTT - Sở Tài chính Vĩnh Long cấp	Tháng 12/2025	23/NQ-HĐQT ngày 31/12/2024 của Hội đồng quản trị Công ty CP Công trình đô thị Bến Tre về giao dịch với các bên có liên quan	Nhận khoán Thi công hạng mục chăm sóc công viên cây xanh thuộc gói thầu cung ứng dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn thành phố Bến Tre (cũ) tổng giá trị là 2,269 tỷ đồng
4	Công ty TNHH MTV Phúc Thịnh	Cổ đông lớn của Công ty (có Giám đốc – Ông Nguyễn Thanh Phong là thành viên HĐQT Công ty)	1300577537 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp đổi lần thứ 3 ngày 02/06/2014	Tháng 12/2025	23/NQ-HĐQT ngày 31/12/2024 của Hội đồng quản trị Công ty CP Công trình đô thị Bến Tre về giao dịch với các bên có liên quan	Sửa chữa tru sở Công ty 283 triệu đồng

## ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ◇ Công ty luôn chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác quản trị Công ty như:
- ◇ Luật, Nghị định, Thông tư và Quy định về quản trị công ty, về hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- ◇ Các văn bản luật có liên quan khác.
- ◇ Công ty đã cụ thể hóa các quy định về quản trị tại các quy định nội bộ bao gồm: Điều lệ hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.



# 06

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính được kiểm toán

# BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty (bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre - Công ty mẹ và Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Bến Tre – Công ty con) (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”).

## 1. Khái quát chung về Tập đoàn

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước, được cổ phần hóa và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1300113091 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 18 tháng 12 năm 2006. Theo Quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2014 và Quyết định điều chỉnh số 2701/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre, Công ty đã thực hiện việc xác định giá trị doanh nghiệp và tiến hành cổ phần hóa. Ngày 29 tháng 01 năm 2015 Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là Công ty Cổ phần và thay đổi lần thứ 10 ngày 18 tháng 09 năm 2025 về việc thay đổi thông tin của người đại diện pháp luật của Công ty.

Công ty niêm yết trên sàn giao dịch UpCom với mã chứng khoán là BTU.

Vốn điều lệ: 36.000.000.000 đồng (ba mươi sáu tỷ đồng), tương đương 3.600.000 cổ phần.

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng.

## 2. Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : Số 26, Nguyễn Trung Trực, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long.

Điện thoại : +84-(275) 3826 358

Mã số thuế : 1300113091

## 3. Cấu trúc của Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của công ty mẹ.

Số lượng công ty con được hợp nhất: 01 công ty.

*Công ty con*

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm			
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Bến Tre	Số 26, Nguyễn Huệ, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long	Dịch vụ chăm sóc cây xanh công viên, hệ thống chiếu sáng công cộng, xây dựng công trình công ích, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, tư vấn giám sát công tác thi công xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật	100%	100%	100%	100%	100%	100%

## 4. Ngành nghề kinh doanh

- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh;
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động chất thải khác;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre nứa) và động vật sống;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề;
- Tư vấn giám sát công tác thi công xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật.

## 5. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

### 5.1. Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Tấn Vũ	Chủ tịch	26/06/2025	-
Ông Lê Văn Vũ	Thành viên	26/06/2025	-
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên	26/06/2025	-
Ông Đào Mạnh Hùng	Thành viên	26/06/2025	-
Bà Huỳnh Thanh Hải	Thành viên	26/06/2025	-

## 5.2. Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trịnh Văn Đâu	Trưởng ban	26/06/2025	-
Ông Võ Minh Hùng	Thành viên	26/06/2025	-
Ông Phạm An Huy	Thành viên	26/06/2025	-
Ông Nguyễn Hữu Thuận	Thành viên	11/08/2020	26/06/2025

## 5.3. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Văn Vũ	Tổng Giám đốc	26/06/2025	-
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	15/12/2025	-
Bà Huỳnh Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	15/12/2025	-
Bà Trần Thị Vân Nghi	Kế toán trưởng	05/08/2025	-

## 6. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Tấn Vũ – Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ông Lê Văn Vũ – Tổng Giám đốc.

Trách nhiệm đại diện theo pháp luật được quy định tại Điểm 1, Điều 3 Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty.

## 7. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Tập đoàn Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 08 đến trang 35.

## 8. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

## 9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Tập đoàn.

## 10. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## 11. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vinh Long, ngày 30 tháng 3 năm 2026



NGUYỄN TẤN VŨ  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**

Chúng tôi đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre và Công ty con là Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Bến Tre (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2026 (từ trang 08 đến trang 35), bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

### Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty kiểm toán khác kiểm toán. Kiểm toán viên của Công ty này đã đưa ra ý kiến kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 là ý kiến chấp nhận toàn phần theo Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 24 tháng 03 năm 2025.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2026.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



**Trần Văn Hiệp – Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNĐKHN số: 2141-2023-071-1  
Chữ ký được ủy quyền



**Lê Thị Diệu Hiền - Kiểm toán viên**  
Giấy CNĐKHN số: 6307-2023-071-1

### Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>102.137.647.594</b>	<b>100.562.445.760</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	<b>21.710.690.313</b>	<b>28.788.215.426</b>
111	1. Tiền		3.710.690.313	11.288.215.426
112	2. Các khoản tương đương tiền		18.000.000.000	17.500.000.000
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>5.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	5.000.000.000	6.000.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>65.199.857.675</b>	<b>58.935.776.965</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	74.814.577.079	65.198.648.477
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	838.691.917	1.699.109.677
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	1.547.044.561	2.095.982.235
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(12.000.455.882)	(10.057.963.424)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	V.7	<b>10.076.638.079</b>	<b>6.584.556.898</b>
141	1. Hàng tồn kho		10.193.094.815	6.584.556.898
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(116.456.736)	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>150.461.527</b>	<b>253.896.471</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	109.856.954	133.906.266
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.13	40.604.573	119.990.205
200	<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>12.587.355.902</b>	<b>12.691.122.690</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>11.424.129.836</b>	<b>11.741.081.974</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	11.424.129.836	11.741.081.974
222	- Nguyên giá		39.018.676.622	37.752.809.444
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(27.594.546.786)	(26.011.727.470)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>30.641.969</b>	<b>-</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.10	30.641.969	-
250	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		-	-
260	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.132.584.097</b>	<b>950.040.716</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	1.132.584.097	950.040.716
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>		<b>114.725.003.496</b>	<b>113.253.568.450</b>

03031  
CC  
TRÁCH N  
TIẾM TQ.  
CHU.  
V.S - T

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>49.726.214.048</b>	<b>48.787.944.704</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>49.726.214.048</b>	<b>48.787.944.704</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.11	9.088.158.771	4.294.333.772
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.12	910.272.834	1.055.388.046
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.13	5.743.067.494	2.545.820.098
314	4. Phải trả người lao động	V.14	22.883.094.085	12.328.341.309
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.15	816.651.345	806.585.294
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.16	316.588.584	20.755.771.383
321	7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	V.17	2.328.076.325	4.484.161.815
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.18	7.640.304.610	2.517.542.987
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
400	<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>64.998.789.448</b>	<b>64.465.623.746</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.19	<b>64.998.789.448</b>	<b>64.465.623.746</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		36.000.000.000	36.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		36.000.000.000	36.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		22.264.525.689	18.444.150.495
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.734.263.759	10.021.473.251
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		63.105.289	3.347.796.405
421b	- Lợi nhuận chưa phân phối năm nay		6.671.158.470	6.673.676.846
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>		<b>114.725.003.496</b>	<b>113.253.568.450</b>

2817  
NG 7  
HIỆM HI  
N VÀ 1  
N VI  
HỒ

Vĩnh Long, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc



TRẦN THỊ HỒNG MAI

TRẦN THỊ VÂN NGHI

LÊ VĂN VŨ

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	124.115.256.567	106.753.894.280
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		124.115.256.567	106.753.894.280
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	90.333.729.137	76.421.804.351
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		33.781.527.430	30.332.089.929
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	1.158.246.812	563.564.598
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.4	17.588.419.301	16.949.372.082
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		17.351.354.941	13.946.282.445
31	12. Thu nhập khác	VI.5	729.940.196	543.469.922
32	13. Chi phí khác		29.067.310	23.154.924
40	14. Lợi nhuận khác		700.872.886	520.314.998
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		18.052.227.827	14.466.597.443
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.6	3.902.690.073	2.110.216.055
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		14.149.537.754	12.356.381.388
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		14.149.537.754	12.356.381.388
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	-
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.7	2.148	2.834
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.8	2.148	2.834

Vĩnh Long, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc



*(Signature)*

*(Signature)*

TRẦN THỊ HỒNG MAI

TRẦN THỊ VÂN NGHI

LÊ VĂN VŨ

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		18.052.227.827	14.466.597.443
	2. Điều chỉnh các khoản		4.638.345.817	5.959.417.658
02	- Khấu hao tài sản cố định		2.697.645.589	2.739.977.096
03	- Các khoản dự phòng		3.260.924.881	3.749.797.644
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.320.224.653)	(530.357.082)
06	- Chi phí lãi vay		-	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		22.690.573.644	20.426.015.101
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(15.200.398.719)	(25.265.025.527)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(3.608.537.917)	4.254.418.060
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		593.937.431	14.822.283.769
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(158.494.069)	762.549.289
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(2.700.644.257)	(1.060.701.325)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		10.530.000	94.353.833
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(1.417.560.459)	(1.327.689.498)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		209.405.654	12.706.203.702
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.411.335.420)	(6.216.347.074)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		161.977.841	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(71.000.000.000)	(6.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		72.000.000.000	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.158.246.812	530.357.082
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(91.110.767)	(11.685.989.992)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	(64.545.455)
35	5. Tiền trả nợ thuế tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(7.195.820.000)	(3.597.910.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(7.195.820.000)	(3.662.455.455)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)		(7.077.525.113)	(2.642.241.745)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		28.788.215.426	31.430.457.171
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	21.710.690.313	28.788.215.426

Vĩnh Long, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám Đốc



*(Signature)*

*(Signature)*

TRẦN THỊ HỒNG MAI

TRẦN THỊ VÂN NGHI

LÊ VĂN VŨ

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Tre – Công ty mẹ và Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Bến Tre – Công ty con đây gọi chung là “Tập đoàn”).

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre là công ty Cổ phần.

### 2. Lĩnh vực kinh doanh

- Cung cấp dịch vụ công ích đô thị;
- Thi công các công trình chiếu sáng, cây xanh;
- Duy tu bảo trì cầu đường.

### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Tư vấn giám sát công tác thi công xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật.

### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Tập đoàn.

## 6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của công ty mẹ.

Số lượng công ty con được hợp nhất: 01 công ty.

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Số cuối năm			Số đầu năm		
			Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Bến Tre	Số 26, Nguyễn Huệ, phường An Hội, tỉnh Vĩnh Long	Dịch vụ chăm sóc cây xanh công viên, hệ thống chiếu sáng công cộng, xây dựng công trình công ích, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, tư vấn giám sát công tác thi công xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật	100%	100%	100%	100%	100%	100%

## 7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Tập đoàn có 190 nhân viên đang làm việc (Số đầu năm là 143 nhân viên).

## II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VNĐ).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

## 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

## 3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

# IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

## 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

## 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

## 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn và tiền đang chuyển.
- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền: căn cứ vào các chứng khoán ngắn hạn có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo.

## 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp, được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy, chi phí chung trực tiếp.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

### Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

### Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

## 7. Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc đánh giá:

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai

do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

▪ **Phương pháp khấu hao áp dụng:**

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

▪ **Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:**

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 50 năm
Máy móc, thiết bị	06 – 10 năm
Phương tiện vận tải	06 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	07 năm

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

**9. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Khi có bằng chứng cho thấy lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ thì số phân bổ trong năm là số tổn thất phát sinh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

**10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**11. Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

**12. Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập Tập đoàn được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**13. Doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ: chiếu sáng công cộng, công viên cây xanh, duy tu cầu đường, vệ sinh đô thị**

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu xây dựng: công trình xây dựng cơ bản, công trình chiếu sáng, công trình cây xanh**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

**Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc đã thực thu tiền.

**14. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc giảm giá vốn hàng bán.

**15. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn.

**16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

**17. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

- **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**19. Số liệu so sánh**

Số liệu đầu năm đã được trình bày lại một số chỉ tiêu theo Biên bản kiểm toán ngày 07/05/2025 của KTTN khu vực IX về việc kiểm toán BCTC năm 2024 như sau:

**a. Bảng cân đối kế toán**

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số dư Báo cáo cuối năm trước	Số dư đầu năm nay trình bày lại	Chênh lệch
1	2	3	4	5	6=5-4
A-	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	100.569.869.983	100.562.445.760	(7.424.223)
IV.	Hàng tồn kho	140	6.344.633.502	6.584.556.898	239.923.396
1.	Hàng tồn kho	141	6.344.633.502	6.584.556.898	239.923.396
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150	501.244.090	253.896.471	(247.347.619)
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	381.253.885	133.906.266	(247.347.619)
B-	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	12.443.775.071	12.691.122.690	247.347.619
VI.	Tài sản dài hạn khác	260	702.693.097	950.040.716	247.347.619
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	702.693.097	950.040.716	247.347.619
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	113.013.645.054	113.253.568.450	239.923.396
C-	NỢ PHẢI TRẢ	300	49.138.562.445	48.787.944.704	(350.617.741)
I.	Nợ ngắn hạn	310	49.138.562.445	48.787.944.704	(350.617.741)
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.108.034.255	2.545.820.098	437.785.843
7.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.272.565.399	4.484.161.815	(788.403.584)
D-	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	63.875.082.609	64.465.623.746	590.541.137
I.	Vốn chủ sở hữu	410	63.875.082.609	64.465.623.746	590.541.137
	- LNST chưa phân phối năm nay	421b	6.083.135.709	6.673.676.846	590.541.137
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	113.013.645.054	113.253.568.450	239.923.396

b. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Số năm trước	Số năm trước trình bày lại	Chênh lệch
4.	Giá vốn hàng bán	11	76.660.350.443	76.421.804.351	(238.546.092)
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	30.093.543.837	30.332.089.929	238.546.092
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17.737.338.411	16.949.372.082	(787.966.329)
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	12.919.770.024	13.946.282.445	1.026.512.421
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	13.440.085.022	14.466.597.443	1.026.512.421
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	1.674.244.771	2.110.216.055	435.971.284
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	11.765.840.251	12.356.381.388	590.541.137
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.670	2.834	164
22.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	2.670	2.834	164

c. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ (theo phương pháp gián tiếp)

Chỉ tiêu	Mã số	Số năm trước	Số năm trước trình bày lại	Chênh lệch
1. Lợi nhuận trước thuế	01	13.440.085.022	14.466.597.443	1.026.512.421
Các khoản dự phòng	03	4.538.201.228	3.749.797.644	(788.403.584)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	4.494.341.456	4.254.418.060	(239.923.396)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	14.820.469.210	14.822.283.769	1.814.559



V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	332.536.255	428.262.317
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.378.154.058	10.859.953.109
Các khoản tương đương tiền <sup>(*)</sup>	18.000.000.000	17.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>21.710.690.313</b>	<b>28.788.215.426</b>

<sup>(\*)</sup>Là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre với lãi suất 2,9%/năm và 3,9%/năm.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn <sup>(**)</sup>	5.000.000.000	5.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>	<b>6.000.000.000</b>

<sup>(\*\*)</sup>Là khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre với lãi suất là 3,9%/năm.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	-	-
Phải thu các khách hàng khác	74.814.577.079	65.198.648.477
Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị P.Phú Khương (trước kia là Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị Thành phố Bến Tre)	37.475.635.333	2.211.383.035
BQL dự án Nông nghiệp tỉnh Vĩnh Long (trước kia là BQL DA. ĐTXD các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre)	12.122.609.757	-
Công ty Cổ phần Xử lý rác thải Bến Tre	10.164.498.070	10.164.498.070
Công ty Cổ phần Đô thị Trà Vinh	2.268.933.160	-
Các đối tượng khác	12.782.900.759	52.822.767.372
<b>Cộng</b>	<b>74.814.577.079</b>	<b>65.198.648.477</b>

Trong đó, nợ quá hạn chưa thanh toán tại ngày 31/12/2025 với số tiền là 12.186.633.212 đồng.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước các bên liên quan</i>	733.500.000	-
Công ty Cổ phần ô tô chuyên dùng Hiệp Hòa	733.500.000	-
<i>Trả trước các khách hàng khác</i>	105.191.917	1.699.109.677
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Diên Hà	77.691.917	1.459.222.677
Các đối tượng khác	27.500.000	239.887.000
<b>Cộng</b>	<b>838.691.917</b>	<b>1.699.109.677</b>

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu khác</i>	1.547.044.561	2.095.982.235
Phải thu cổ phần hóa <sup>(*)</sup>	380.942.818	380.942.818
Tạm ứng	662.975.413	1.124.586.000
Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	483.555.000	468.868.000
Phải thu khác	19.571.330	121.585.417
<b>Cộng</b>	<b>1.547.044.561</b>	<b>2.095.982.235</b>

<sup>(\*)</sup>Chi phí thoái vốn nhà nước chưa được quyết toán.

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	10.057.963.424	7.746.163.208
Trích lập dự phòng	2.035.646.945	2.311.800.216
Hoàn nhập dự phòng	(93.154.487)	-
Số dư cuối kỳ	<b>12.000.455.882</b>	<b>10.057.963.424</b>

<sup>(\*)</sup>Chi tiết khoản dự phòng:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi <sup>(*)</sup>	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi <sup>(*)</sup>
<i>Quá hạn trên 3 năm</i>	11.691.377.048	-	7.214.398.574	-
Công ty CP xử lý rác thải Bến Tre	10.164.498.070	-	6.276.170.801	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông Bến Tre	374.272.080	-	374.272.080	-
Công ty Cổ phần Đại Thành	96.412.088	-	96.412.088	-
Xí nghiệp 11 – Chi nhánh Tổng Công ty 319	404.525.605	-	404.525.605	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	651.669.205	-	63.018.000	-
<i>Quá hạn từ 2 năm – dưới 3 năm</i>	343.677.789	103.103.338	3.922.154.269	1.176.646.281
Công ty TNHH chế biến thủy sản Hùng vương Bến Tre	46.449.706	13.934.912	-	-
Công ty CP xử lý rác thải Bến Tre	-	-	3.888.327.269	1.166.498.181
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	297.228.083	89.168.426	33.827.000	10.148.100
<i>Quá hạn từ 1 năm – dưới 2 năm</i>	-	-	196.113.724	98.056.862
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	-	-	196.113.724	98.056.862
<i>Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm</i>	170.996.105	102.491.722	-	-
Công ty CP Xây dựng Số 1 Việt Hưng	84.968.352	59.477.846	-	-
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Nam Mê Kông	86.027.753	43.013.876	-	-
<b>Cộng</b>	<b>12.206.050.942</b>	<b>205.595.060</b>	<b>11.332.666.567</b>	<b>1.274.703.143</b>

<sup>(\*)</sup>Dự phòng nợ phải thu khó đòi bằng giá gốc trừ giá trị có thể thu hồi.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	731.341.883	(53.386.164)	1.218.122.075	-
Công cụ, dụng cụ	69.628.627	(63.070.572)	69.628.627	-
Chi phí SXKD dở dang	9.345.236.028	-	5.248.827.010	-
Hàng hóa	46.888.277	-	47.979.186	-
<b>Cộng</b>	<b>10.193.094.815</b>	<b>(116.456.736)</b>	<b>6.584.556.898</b>	<b>-</b>

**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ đang sử dụng	93.611.121	18.121.242
Chi phí sửa chữa xe	-	99.827.691
Bảo hiểm xe	14.483.333	15.033.333
Chi phí khác	1.762.500	924.000
<b>Cộng</b>	<b>109.856.954</b>	<b>133.906.266</b>

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	133.906.266	115.586.199
Tăng trong năm	246.152.471	228.284.209
Phân bổ trong năm	(270.201.783)	(209.964.142)
<b>Số cuối năm</b>	<b>109.856.954</b>	<b>133.906.266</b>

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

Chi tiết gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	521.561.806	137.054.499
Chi phí sử dụng đất	369.440.637	378.793.569
Công cụ, dụng cụ đang sử dụng	158.199.313	163.060.388
Chi phí đóng mới xe cải tiến	34.763.671	217.054.167
Chi phí khác	48.618.670	54.078.093
<b>Cộng</b>	<b>1.132.584.097</b>	<b>950.040.716</b>

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	950.040.716	1.730.910.072
Tăng trong năm	657.614.595	340.610.546
Phân bổ trong năm	(475.071.214)	(1.121.479.902)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.132.584.097</b>	<b>950.040.716</b>

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	5.447.965.971	1.979.168.545	30.249.562.933	76.111.995	37.752.809.444
Tăng trong năm	-	-	2.380.693.451	-	2.380.693.451
Mua trong năm	-	-	2.380.693.451	-	2.380.693.451
Giảm trong năm	-	-	(1.114.826.273)	-	(1.114.826.273)
Số cuối năm	5.447.965.971	1.979.168.545	31.515.430.111	76.111.995	39.018.676.622
Trong đó:					
TSCĐ đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng	2.243.979.634	1.575.214.000	13.152.528.771	76.111.995	17.047.834.400
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	4.703.713.784	1.833.002.904	19.398.898.787	76.111.995	26.011.727.470
Tăng trong năm	208.127.050	61.050.647	2.428.467.892	-	2.697.645.589
Khấu hao trong kỳ	208.127.050	61.050.647	2.428.467.892	-	2.697.645.589
Giảm trong năm	-	-	(1.114.826.273)	-	(1.114.826.273)
Số cuối năm	4.911.840.834	1.894.053.551	20.712.540.406	76.111.995	27.594.546.786
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	744.252.187	146.165.641	10.850.664.146	-	11.741.081.974
Số cuối năm	536.125.137	85.114.994	10.802.889.705	-	11.424.129.836

Trong đó, không có tài sản cố định dùng để thế chấp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025.

**10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Là chi phí dịch vụ thẩm định giá và tư vấn lập hồ sơ thầu mua xe ô tô tải có cần cầu và xe ô tô 7 chỗ New Mazda.

**11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải trả tổ chức và nhà cung cấp khác</b>	<b>9.088.158.771</b>	<b>4.294.333.772</b>
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Diên Hà	2.319.967.999	-
Công ty TNHH Xây dựng Thiên Phú Bến Tre	2.862.487.696	364.093.809
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bóng đèn phích nước Rạng Đông tại Tiền Giang	641.162.822	708.134.400
Các đối tượng khác	3.264.540.254	3.222.105.563
<b>Cộng</b>	<b>9.088.158.771</b>	<b>4.294.333.772</b>

Trong đó, số nợ quá hạn thanh toán với số tiền là 0 đồng.

**12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>910.272.834</b>	<b>1.055.388.046</b>
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Đèo Cả	563.829.794	-
Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng Đại Phước An	100.000.000	-
Các đối tượng khác	246.443.040	1.055.388.046
<b>Cộng</b>	<b>910.272.834</b>	<b>1.055.388.046</b>

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.586.339.075	-	5.194.525.842	(3.251.152.002)	3.529.712.915	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	959.481.023	-	3.902.690.073	(2.700.644.257)	2.161.526.839	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	119.990.205	1.246.278.473	(1.074.460.528)	51.827.740	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	61.104.259	(101.708.832)	-	40.604.573
Thuế môn bài	-	-	5.000.000	(5.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	1.638.725	(1.638.725)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>2.545.820.098</b>	<b>119.990.205</b>	<b>10.411.237.372</b>	<b>(7.134.604.344)</b>	<b>5.743.067.494</b>	<b>40.604.573</b>

▪ **Thuế giá trị gia tăng:** Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

▪ **Thuế thu nhập doanh nghiệp:**

+ *Tại công ty mẹ:*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển

+ *Tại công ty con:*

Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất phổ thông là 20%.

▪ **Tiền thuê đất:** Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

▪ **Các loại thuế khác:** Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**14. Phải trả người lao động**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	22.883.094.085	12.328.341.309
<b>Cộng</b>	<b>22.883.094.085</b>	<b>12.328.341.309</b>

**15. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí vận chuyển rác tháng	284.991.076	343.730.859
Chi phí quà tết cho nhân viên	182.300.000	-
Chi phí nhân công công trình	143.462.700	-
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	205.897.569	462.854.435
<b>Cộng</b>	<b>816.651.345</b>	<b>806.585.294</b>

**16. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức, cá nhân khác</i>	<b>316.588.584</b>	<b>20.755.771.383</b>
Kinh phí công đoàn	88.558.872	67.118.107
Ký quỹ đảm bảo thực hiện hợp đồng	217.161.712	217.161.712
Phải trả cổ tức	10.868.000	6.688.000
Khoản thu Dịch vụ vệ sinh phải nộp Ngân sách	-	20.464.803.564
<b>Cộng</b>	<b>316.588.584</b>	<b>20.755.771.383</b>

**17. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi tiết gồm:		
Dự phòng bảo hành công trình	1.692.952.115	604.396.458
<i>Đường giao thông, hàng rào, hệ thống chiếu sáng thuộc dự án Xây dựng hồ chứa nước ngọt Lạc Địa, xã Phú Lễ huyện Ba Tri</i>	602.588.247	-
<i>Cung cấp và trồng cỏ, cây cảnh quan sân bay Long Thành</i>	442.147.929	-
<i>Thi công sửa chữa cảnh quan trên địa bàn thành phố Bến Tre năm 2025</i>	163.125.865	-
<i>Thi công xây dựng hệ thống chiếu sáng tại khu vực nút giao và các cầu trên tuyến thuộc dự án: Đường gom đường vào cầu Rạch Miễu</i>	140.179.850	-
<i>Các công trình khác</i>	344.910.224	604.396.458
Chi phí thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt trên địa bàn huyện Châu Thành từ nhà máy xử lý rác Bến Tre về bãi rác An Hiệp, Ba Tri <sup>(*)</sup>	635.124.210	635.124.210
Khác	-	3.244.641.147
<b>Cộng</b>	<b>2.328.076.325</b>	<b>4.484.161.815</b>

<sup>(\*)</sup>Chi phí thu gom, vận chuyển rác bao gồm chi phí máy và nhân công ước tính để vận chuyển rác từ NM xử lý rác Bến Tre về bãi rác An Hiệp, Ba Tri. Công ty chưa thể thực hiện giai đoạn sự cố môi trường.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Trích từ lợi		Chi trong năm	Số cuối năm
		nhuận	Tăng khác		
Quỹ khen thưởng	1.895.342.498	5.135.002.409	10.530.000	(801.954.000)	6.238.920.907
Quỹ phúc lợi	234.124.060	570.555.822	-	(114.110.000)	690.569.882
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành Công ty	388.076.429	710.813.821	-	(388.076.429)	710.813.821
<b>Cộng</b>	<b>2.517.542.987</b>	<b>6.416.372.052</b>	<b>10.530.000</b>	<b>(1.304.140.429)</b>	<b>7.640.304.610</b>

19. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu tình hình biến động vốn của chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	36.000.000.000	14.060.446.897	7.801.747.928	57.862.194.825
Tăng trong năm	-	4.383.703.598	12.356.381.388	16.740.084.986
- Lợi nhuận sau thuế	-	4.383.703.598	12.356.381.388	16.740.084.986
Giảm trong năm	-	-	(10.136.656.065)	(10.136.656.065)
Số dư cuối năm trước	36.000.000.000	18.444.150.495	10.021.473.251	64.465.623.746
Số dư đầu năm nay	36.000.000.000	18.444.150.495	10.021.473.251	64.465.623.746
Tăng trong năm	-	3.820.375.194	14.149.537.754	17.969.912.948
- Lợi nhuận sau thuế	-	3.820.375.194	14.149.537.754	17.969.912.948
Giảm trong năm	-	-	(17.436.747.246)	(17.436.747.246)
Số dư cuối năm nay	36.000.000.000	22.264.525.689	6.734.263.759	64.998.789.448

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 là:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND/USD)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND/USD)
	VND/USD	Tỷ lệ (%)		
Ủy ban Nhân dân tỉnh Vĩnh Long (đại diện vốn góp Nhà nước)	21.600.000.000	60,00%	21.600.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn ô tô Hiệp Hòa	5.297.000.000	14,71%	5.297.000.000	-
Ông Nguyễn Thanh Phong	1.800.000.000	5,00%	1.800.000.000	-
Ông Ngô Trung Kiên	598.000.000	1,66%	598.000.000	-
Các cổ đông khác	6.705.000.000	18,63%	6.705.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>36.000.000.000</b>	<b>-</b>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	36.000.000.000	36.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	36.000.000.000	36.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	17.436.747.246	10.136.656.065
+ Chia cổ tức cho cổ đông	7.200.000.000	3.600.000.000
+ Tạm trích quỹ khen thưởng	5.135.002.409	1.564.632.951
+ Tạm trích quỹ phúc lợi	570.555.822	200.243.087
+ Tạm trích quỹ thưởng Ban điều hành	710.813.821	388.076.429
+ Tạm trích quỹ đầu tư phát triển	3.820.375.194	4.383.703.598

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.600.000	3.600.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.600.000	3.600.000
Cổ phiếu phổ thông	3.600.000	3.600.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.600.000	3.600.000
Cổ phiếu phổ thông	3.600.000	3.600.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

e. Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối năm	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	22.264.525.689	18.444.150.495
<b>Cộng</b>	<b>22.264.525.689</b>	<b>18.444.150.495</b>

20. Các khoản mục ngoài bảng Cân đối kế toán

Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực không quá 50 năm và đơn giá thuê đất được ổn định 05 năm, hết thời hạn ổn định cơ quan thuế sẽ điều chỉnh lại đơn giá thuê đất áp dụng cho thời hạn tiếp theo theo quy định của Nhà nước. Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Từ 1 năm trở xuống	135.348.576	113.128.000
Trên 1 năm đến 5 năm	676.742.880	452.512.000
Trên 5 năm	2.267.088.651	2.008.022.000
<b>Cộng</b>	<b>3.079.180.107</b>	<b>2.573.662.000</b>

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu thi công công trình	32.435.933.792	25.547.943.835
Doanh thu dịch vụ công ích	91.649.569.191	81.025.248.827
Doanh thu khác	29.753.584	180.701.618
<b>Cộng</b>	<b>124.115.256.567</b>	<b>106.753.894.280</b>

### 2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thi công công trình	31.940.614.333	22.590.060.918
Giá vốn dịch vụ công ích	58.274.253.743	53.828.460.219
Giá vốn hoạt động khác	118.861.061	3.283.214
<b>Cộng</b>	<b>90.333.729.137</b>	<b>76.421.804.351</b>

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi Ngân hàng.

### 4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	12.821.947.747	10.912.877.910
Chi phí vật liệu quản lý	-	8.040.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	62.448.356	103.111.305
Chi phí khấu hao TSCĐ	110.036.352	601.546.144
Thuế, phí, lệ phí	57.591.786	5.000.000
Chi phí dự phòng	2.051.556.230	2.311.800.216
Chi phí dịch vụ mua ngoài	245.894.455	169.355.096
Chi phí bằng tiền khác	2.238.944.375	2.837.641.411
<b>Cộng</b>	<b>17.588.419.301</b>	<b>16.949.372.082</b>

### 5. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	161.977.841	-
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	441.039.400	535.986.520
Các khoản khác	126.922.955	7.483.402
<b>Cộng</b>	<b>729.940.196</b>	<b>543.469.922</b>

### 6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế TNDN phải nộp trong năm của các Công ty trong Tập đoàn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre	3.276.059.188	1.598.490.543
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Bến Tre	626.630.885	511.725.512
<b>Cộng</b>	<b>3.902.690.073</b>	<b>2.110.216.055</b>

### 7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>14.149.537.754</b>	<b>12.356.381.388</b>
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Các khoản điều chỉnh giảm	(6.416.372.052)	(2.152.952.467)
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi <sup>(*)</sup>	(6.416.372.052)	(2.152.952.467)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>	<b>7.733.165.702</b>	<b>10.203.428.921</b>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.600.000	3.600.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.148</b>	<b>2.834</b>

<sup>(\*)</sup> Quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại trừ khi xác định lãi cơ bản trên cổ phiếu theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Quỹ khen thưởng phúc lợi năm nay được tạm trích theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 06 năm 2025.

### 8. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.733.165.702	10.203.428.921
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	7.733.165.702	10.203.428.921
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	3.600.000	3.600.000
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.148</b>	<b>2.834</b>

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	39.687.918.650	26.115.884.242
Chi phí nhân công	49.995.081.007	38.649.599.848
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.697.645.589	2.739.977.096
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.505.914.902	8.979.143.469
Chi phí khác	9.765.337.570	14.197.107.780
<b>Cộng</b>	<b>110.651.897.718</b>	<b>90.681.712.435</b>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VNĐ)

1. Các giao dịch không bằng tiền

Không phát sinh.

2. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Không phát sinh.

VIII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản tiềm tàng

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính.

2. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

3. Các giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành)

Trong năm 2025, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên chủ chốt khác.

Tiền lương, thù lao của các thành viên quản lý chủ chốt:

Tiền lương:

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Nguyễn Ngọc Triệu	Chủ tịch HĐQT	-	253.428.044
Nguyễn Tấn Vũ	Chủ tịch HĐQT	892.800.000	481.647.777
Trịnh Văn Đẩu	Trưởng ban Kiểm soát	748.800.000	384.362.760
Lê Văn Vũ	Tổng Giám đốc	839.334.973	428.574.585
Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	707.648.504	400.673.357
Huỳnh Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	707.648.504	94.317.799
Trần Thị Vân Nghi	Kế toán trưởng	686.365.842	377.271.196
<b>Cộng</b>		<b>4.582.597.823</b>	<b>2.420.275.518</b>

Thù lao:

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Nguyễn Thanh Phong	Thành viên HĐQT	62.400.000	73.200.000
Đào Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	62.400.000	73.200.000
Võ Minh Hùng	Thành viên BKS	48.000.000	57.000.000
Nguyễn Hữu Thuần	Thành viên BKS	24.000.000	57.000.000
Phạm An Huy	Thành viên BKS	24.000.000	-
Huỳnh Thanh Hải	Thư ký - Người quản trị	-	24.000.000
Đoàn Thị Thanh	Thư ký - Người quản trị	36.000.000	18.000.000
<b>Cộng</b>		<b>256.800.000</b>	<b>302.400.000</b>

Cổ tức:

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Nguyễn Tấn Vũ	Chủ tịch HĐQT	95.000.000	47.500.000
Lê Văn Vũ	Tổng Giám đốc	97.660.000	48.830.000
Nguyễn Thanh Bình	Phó Tổng Giám đốc	950.000	10.450.000
Huỳnh Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	23.560.000	11.780.000
Trịnh Văn Đẩu	Trưởng ban Kiểm soát	190.000	95.000
Trần Thị Vân Nghi	Kế toán trưởng	7.220.000	3.610.000
<b>Cộng</b>		<b>224.580.000</b>	<b>122.265.000</b>

3b. **Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Phúc Thịnh	Giám đốc Công ty này đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre
Công ty Cổ phần Ô tô chuyên dùng Hiệp Hòa	Giám đốc Công ty này đồng thời là thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre

Giao dịch với các bên liên quan khác

	Năm nay	Năm trước
<b>❖ Công ty Cổ phần Ô tô chuyên dùng Hiệp Hòa</b>		
- Mua dịch vụ		
+ Mua tài sản cố định	2.407.536.000	2.125.000.000
+ Mua thiết bị sửa chữa xe chuyên dùng	1.059.400.000	529.700.000

Số dư với các bên liên quan khác

Số dư với các bên liên quan khác xem thuyết minh V.4.

4. **Báo cáo bộ phận**

4a. **Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Năm nay	Thi công công trình	Dịch vụ công ích	Dịch vụ khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	32.435.933.792	91.649.569.191	29.753.584	124.115.256.567
Giá vốn hàng bán	31.940.614.333	58.274.253.743	118.861.061	90.333.729.137
<b>Lãi gộp</b>	<b>495.319.459</b>	<b>33.375.315.448</b>	<b>(89.107.477)</b>	<b>33.781.527.430</b>
<b>Năm trước</b>				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.547.943.835	81.025.248.827	180.701.618	106.753.894.280
Giá vốn hàng bán	22.590.060.918	53.828.460.219	3.283.214	76.421.804.351
<b>Lãi gộp</b>	<b>2.957.882.917</b>	<b>27.196.788.608</b>	<b>177.418.404</b>	<b>30.332.089.929</b>

4b. **Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Trong năm, toàn bộ hoạt động của công ty là trên lãnh thổ Việt Nam.

5. **Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

6. **Khả năng hoạt động liên tục**

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Tập đoàn.

Vĩnh Long, ngày 30 tháng 3 năm 2026

Người lập biểu



TRẦN THỊ HỒNG MAI

Kế toán trưởng



TRẦN THỊ VÂN NGHI

Tổng Giám đốc



LÊ VĂN VŨ



# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

Vĩnh Long, ngày 17 tháng 04 năm 2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**

Người đại diện theo pháp luật

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Tấn Vũ